

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

## **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo:	<b>Đại học</b>
Ngành đào tạo:	<b>Tài chính – Ngân hàng</b>
Tên tiếng Anh:	<b>Finance - Banking</b>
Tên các chuyên ngành:	<b>1. Tài chính doanh nghiệp 2. Ngân hàng và Kinh doanh tiền tệ 3. Quản lý Tài chính – Kế toán 4. Tài chính công và Quản lý thuế</b>
Mã ngành:	<b>7340201</b>
Loại hình đào tạo:	<b>Chính quy</b>
Hình thức đào tạo:	<b>Tập trung</b>

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHQN ngày tháng năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng

Mã ngành: 7340201

Tên tiếng Anh: Finance - Banking

Tên các chuyên ngành: 1. Tài chính doanh nghiệp  
2. Ngân hàng và Kinh doanh tiền tệ  
3. Quản lý Tài chính – Kế toán  
4. Tài chính công và Quản lý thuế

Loại hình đào tạo: Chính quy

Hình thức đào tạo: Tập trung

### 1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng với trình độ Đại học có khối lượng kiến thức toàn khóa là 135 tín chỉ (chưa kể các môn điều kiện GDTC, GD QP-AN), thời gian đào tạo là 4 năm. Chương trình được thiết kế thành 4 chuyên ngành hẹp: Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng và Kinh doanh tiền tệ, Tài chính công và Quản lý thuế và Quản lý Tài chính – Kế toán nhằm giúp cho người học có cơ hội lựa chọn và nghiên cứu chuyên sâu để học tập và thuận lợi trong việc tìm kiếm các cơ hội việc làm sau khi ra Trường. Chương trình được xây dựng với các học phần của Khối kiến thức giáo dục đại cương và Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp nhằm giúp cho người học đạt được các chuẩn đầu ra về: Kiến thức (kiến thức chung và kiến thức chuyên môn), Kỹ năng, Mức tự chủ và trách nhiệm.

#### 1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình (Tiếng Việt)	Tài chính – Ngân hàng
2. Mã ngành đào tạo	7340201
3. Trường cấp bằng	Trường Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Cử nhân

5. Trình độ đào tạo	Đại học
6. Số tín chỉ yêu cầu	135
7. Khoa quản lý	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐH Quy Nhơn
8. Hình thức đào tạo	Chính quy
9. Thời gian đào tạo	4 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương
11. Thang điểm đánh giá	Đánh giá theo thang điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 43/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
12. Điều kiện tốt nghiệp	Theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy của hệ thống tín chỉ, ban hành theo quyết định số 43/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
13. Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm việc tại các bộ phận tài chính, kế toán của các loại hình doanh nghiệp;</li> <li>- Chuyên viên các ngân hàng thương mại, ngân hàng Nhà nước; các công ty tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty cho thuê tài chính và các quỹ đầu tư trong và ngoài nước;</li> <li>- Chuyên viên của phòng Tài chính, Sở Tài chính; cơ quan Thuế của Nhà nước; Kho bạc Nhà nước các cấp; cơ quan Hải quan; phụ trách bộ phận Tài chính - kế toán của các đơn vị hành chính sự nghiệp các cấp;</li> <li>- Tư vấn các dịch vụ về tài chính, tín dụng, thuế cho các công ty, doanh nghiệp;</li> <li>- Cán bộ nghiên cứu viên, giảng viên giảng dạy tại các Trường, Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo về kinh tế Tài chính - Ngân hàng;</li> <li>- Khi được trang bị chứng chỉ nghề nghiệp, kỹ năng cần thiết có thể tự lập và trở thành chuyên gia tài chính; khởi nghiệp và tìm kiếm các cơ hội kinh doanh cho bản thân.</li> </ul>
14. Học tập nâng cao trình độ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia các khóa học, bồi dưỡng về: Quản trị tài chính doanh nghiệp, Giám đốc tài chính (CFO), Quản lý tài chính các đơn vị công, Thuế, Quản trị ngân hàng thương mại .</li> <li>- Đăng ký học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) của các chuyên</li> </ul>

	ngành Tài chính - Ngân hàng hoặc các chuyên ngành khác thuộc lĩnh vực kinh tế - quản trị kinh doanh tại các trường đại học trong và ngoài nước.
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình Bachelor of Business (Banking and Finance) – trường Đại học Monash (Úc)</li> <li>- Chương trình Bachelor of Applied Finance - trường Đại học Macquarie (Úc)</li> <li>- Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội</li> <li>- Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh</li> <li>- Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội</li> <li>- Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng</li> </ul>
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	30/05/2020

### 1.3. Sứ mệnh - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục

Trường Đại học Quy Nhơn đã cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, theo Quyết định số 120/QĐCEA.UD ngày 12/7/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD – Đại học Đà Nẵng

#### 1.3.1. Sứ mệnh - Tầm nhìn – Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

##### **Sứ mệnh:**

Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ – Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ XH.

##### **Tầm nhìn:**

Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là Trường Đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.

##### **Giá trị cốt lõi:**

Trách nhiệm – Chuyên nghiệp – Chất lượng – Sáng tạo – Nhân văn

##### **Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn**

Toàn diện – Khai phóng – Thực nghiệp

**Toàn diện:** Đào tạo người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực.

**Khai phóng:** Phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; giúp người học chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời.

**Thực nghiệp:** Đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; giúp người học thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Triết lý giáo dục của trường Đại học Quy Nhơn được cụ thể hóa vào chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng như sau:

Chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng			Triết lý giáo dục của DQN		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	Các học phần khoa học chính trị, pháp luật	X		
		Các học phần KHXH/KHTN-MT, KH Quản lý, Ngoại ngữ, Tin học		X	
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Các học phần lý thuyết (kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, nguyên lý kế toán,...)	X	X	
	Khối kiến thức chuyên ngành	Các học phần lý thuyết	X	X	X
		Các học phần thực tập, thực tế	X	X	X
	Khóa luận/đồ án tốt nghiệp		X	X	X
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên		X	X	X
	Thi hùng biện, thiết kế mô hình, ý tưởng, ....			X	X
	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh)		X		X
	Hiến máu nhân đạo			X	
	Hoạt động vì người nghèo			X	
	.....				
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật, tự nhiên – môi trường để diễn giải các vấn đề phát sinh trong hoạt động Tài chính – Ngân hàng.	X	X	
	PLO2	Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất.	X	X	
	PLO3	Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành, khối ngành làm nền tảng để học tập và nghiên cứu các môn chuyên sâu ngành Tài chính - Ngân hàng.	X	X	X

PLO4	Vận dụng được kiến thức ngành, chuyên ngành và hỗ trợ để phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề cơ bản trong các hoạt động: kinh doanh tiền tệ và ngân hàng; tài chính doanh nghiệp; tài chính công và quản lý thuế; quản lý tài chính và kế toán...	X	X	X
PLO5	Vận dụng được các kỹ năng: giao tiếp, thuyết trình trước đám đông; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng làm việc nhóm; và kỹ năng lập kế hoạch mục tiêu vào giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.	X	X	X
PLO6	Kỹ năng ngoại ngữ: đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR) và theo quy định của Trường đối với khối ngành kinh tế.	X	X	X
PLO7	Kỹ năng tin học: đạt trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư Số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.	X	X	X
PLO8	Có kỹ năng hoàn thành các nghiệp vụ trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn của ngành trong những bối cảnh khác nhau, lĩnh vực khác nhau: ngân hàng và kinh doanh tiền tệ, tài chính doanh nghiệp, tài chính công và quản lý thuế, quản lý tài chính và kế toán.	X	X	X
PLO9	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý	X	X	X

		kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề trong các hoạt động: kinh doanh tiền tệ và ngân hàng, tài chính doanh nghiệp, tài chính công và quản lý thuế, quản lý tài chính và kế toán.			
	PLO10	Có phẩm chất chính trị đúng đắn, đạo đức tốt; yêu ngành nghề, nghiêm túc trong công việc, có ý thức trách nhiệm cao.	X	X	
	PLO11	Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân và khả năng học tập suốt đời góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội.	X	X	X

### ***1.3.2. Sứ mệnh - Tâm nhìn - Triết lý giáo dục của Khoa TC – NH và QTKD***

#### ***Sứ mệnh***

Đào tạo người học toàn diện về năng lực và phẩm chất, có trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Quản trị du lịch và khách sạn. Sứ mạng này đạt được thông qua cam kết của chúng tôi trong việc không ngừng cải tiến chương trình theo chuẩn quốc tế, tăng cường nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu; nhằm phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.

#### ***Tâm nhìn***

Đến năm 2030, Khoa Tài chính - Ngân hàng và Quản trị kinh doanh là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng có uy tín về lĩnh vực tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, quản trị du lịch và khách sạn, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á, đảm bảo cho người học khi tốt nghiệp có đủ năng lực làm việc và thích ứng nhanh với nền kinh tế toàn cầu.

#### ***Giá trị cốt lõi***

Trách nhiệm, chuyên nghiệp, chất lượng, sáng tạo, nhân văn.

**Triết lý giáo dục của Khoa TC – NH & QTKD**

Học để biết, học để làm, học để chung sống và cống hiến cho xã hội.

<b>Bốn trụ cột giáo dục của Unesco</b>	<b>Khung năng lực Châu Âu</b>	<b>Đề cương CDR</b>
Học để biết	Kiến thức	1. Kiến thức và lập luận ngành
Học để trưởng thành	Kỹ năng	2. Kỹ năng cá nhân nghề nghiệp và phẩm chất
Học để chung sống		3. Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng mềm
Học để làm	Năng lực	4. Năng lực nghề nghiệp

Triết lý giáo dục của Khoa được cụ thể hóa vào chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng như sau:

<b>Chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng</b>		<b>Triết lý giáo dục của Khoa</b>			
		Học để biết (Kiến thức và lập luận ngành)	Học để làm (Năng lực nghề nghiệp)	Học để chung sống (Kỹ năng)	Học để cống hiến cho XH (Tự chủ và trách nhiệm)
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	<b>X</b>		<b>X</b>	<b>X</b>
	PLO2			<b>X</b>	<b>X</b>
	PLO3	<b>X</b>		<b>X</b>	<b>X</b>
	PLO4	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>
	PLO5	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>
	PLO6	<b>X</b>		<b>X</b>	<b>X</b>
	PLO7	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>
	PLO8	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>
	PLO9	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>
	PLO10	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>
	PLO11	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>



## **1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)**

### **1.4.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân Tài chính – Ngân hàng (TC-NH) có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, kiến thức chuyên sâu về ngành Tài chính – Ngân hàng để tiếp cận các hoạt động thực tế của ngành Tài chính – Ngân hàng, có khả năng phát triển các tri thức mới và có khả năng học tập suốt đời; có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ và có kỹ năng mềm cần thiết cho các hoạt động nghề nghiệp sau khi ra Trường. Đồng thời, những cử nhân Tài chính – Ngân hàng được đào tạo sẽ có phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật và ý thức bảo vệ môi trường; có ý thức phục vụ nhân dân góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

### **1.4.2. Mục tiêu cụ thể**

Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng có khả năng:

#### **- Về kiến thức**

+ PO1: Vận dụng kiến thức về khoa học cơ bản để học tập suốt đời. Có thể chất tốt và kiến thức về an ninh, quốc phòng.

+ PO2: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, khối ngành làm nền tảng để nghiên cứu các môn chuyên sâu ngành Tài chính - Ngân hàng.

+ PO3: Vận dụng kiến thức ngành, chuyên ngành và bổ trợ để giải quyết các vấn đề trong hoạt động của các ngân hàng thương mại và các định chế tài chính trung gian phi ngân hàng, hoạt động của thị trường chứng khoán, hoạt động tài chính khu vực nhà nước, hoạt động tài chính quốc tế, tài chính của các doanh nghiệp và quản lý tài chính kế toán trong doanh nghiệp; nắm vững kiến thức về cấu trúc, cơ chế vận hành và quản lý của hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường; có khả năng nghiên cứu, phân tích và đánh giá, đề xuất chính sách về hoạt động và sự phát triển của hệ thống tài chính, góp phần vào sự ổn định và phát triển nền kinh tế.

#### **- Về kỹ năng**

+ PO4: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, phát hiện và giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, sáng tạo và khởi nghiệp.

+ PO5: Sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin căn bản tốt.

+ PO6: Có các kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ trong lĩnh vực chuyên sâu: kinh doanh tiền tệ và ngân hàng, tài chính doanh nghiệp, tài chính công và quản lý thuế, quản lý tài chính và kế toán; phân tích và đề xuất các chính sách trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

#### **- Về mức tự chủ và trách nhiệm**

+ PO7: Có phẩm chất đạo đức cá nhân tốt, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và các quy định của tổ chức nơi làm việc, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế.

+ PO8: Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc trong việc hướng

dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc lĩnh vực TC – NH, giám sát người khác thực hiện nghiệp vụ TC – NH; có trách nhiệm với xã hội và môi trường.

### **1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)**

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

#### **1.5.1. Về kiến thức**

1) PLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội, pháp luật, tự nhiên – môi trường để diễn giải các vấn đề phát sinh trong hoạt động Tài chính – Ngân hàng.

2) PLO2: Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất.

3) PLO3: Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành, khối ngành làm nền tảng để học tập và nghiên cứu các môn chuyên sâu ngành Tài chính - Ngân hàng.

4) PLO4: Vận dụng được kiến thức ngành, chuyên ngành và bổ trợ để phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề cơ bản trong các hoạt động: kinh doanh tiền tệ và ngân hàng; tài chính doanh nghiệp; tài chính công và quản lý thuế; quản lý tài chính và kế toán...

#### **1.5.2. Về kỹ năng**

5) PLO5: Vận dụng được các kỹ năng: giao tiếp, thuyết trình trước đám đông; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng làm việc nhóm; và kỹ năng lập kế hoạch mục tiêu vào giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng; kỹ năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

6) PLO6: Kỹ năng ngoại ngữ: đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR) và theo quy định của Trường đối với khối ngành kinh tế.

7) PLO7: Kỹ năng tin học: đạt trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư Số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

8) PLO8: Có kỹ năng hoàn thành các nghiệp vụ trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn của ngành trong những bối cảnh khác nhau, lĩnh vực khác nhau: ngân hàng và kinh doanh tiền tệ, tài chính doanh nghiệp, tài chính công và quản lý thuế, quản lý tài chính và kế toán.

9) PLO9: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề trong các hoạt động: kinh doanh tiền tệ và ngân hàng, tài chính doanh nghiệp, tài chính công và quản lý thuế, quản lý tài chính và kế toán.

#### **1.5.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm**

10) PLO10: Có phẩm chất chính trị đúng đắn, đạo đức tốt; yêu ngành nghề, nghiêm túc trong công việc, có ý thức trách nhiệm cao.

11) PLO11: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân và khả năng học tập suốt đời góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc; việc hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nghiệp vụ TC – NH; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong lĩnh vực TC – NH.

**Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs**

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
PO1	X	X									
PO2			X								
PO3				X							
PO4					X	X					
PO5						X	X				
PO6								X	X		
PO7			X	X					X	X	X
PO8			X	X					X	X	X

**1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá**

**1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập**

**- Chuẩn bị của giảng viên**

+ Tài liệu giảng dạy, tài liệu hướng dẫn học tập, dụng cụ dạy học (nếu cần).

+ Các bài tập vận dụng, nghiên cứu tình huống, các văn bản luật, các qui định hiện hành của Nhà nước liên quan đến nội dung của học phần giảng dạy.

**- Các phương pháp giảng dạy - học tập [Dạy trực tiếp/gián tiếp/trải nghiệm/tương tác/tự học]**

+ Dạy trực tiếp: thuyết giảng, thảo luận, tham luận.

+ Dạy gián tiếp: câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, dạy học theo nhóm.

+ Học trải nghiệm: thực tập, thực tế, nghiên cứu tình huống.

+ Dạy học tương tác: thảo luận, làm việc nhóm.

+ Tự học: bài tập ở nhà, giải quyết tình huống cho sẵn.

**Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập**

Phương pháp giảng dạy - học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>I. Dạy trực tiếp</b>											
1. Thuyết giảng	X		X	X				X	X	X	X
2. Tham luận			X	X	X			X	X		
<b>II. Dạy gián tiếp</b>											
3. Câu hỏi gợi mở	X		X	X	X			X	X		X
4. Giải quyết vấn đề	X		X	X	X			X	X		X
5. Dạy học theo tình huống			X	X	X			X	X		X
6. Dạy học theo nhóm			X	X	X						X
<b>III. Học trải nghiệm</b>											
7. Thực tập, thực tế			X	X	X	X	X	X	X	X	X
8. Nghiên cứu tình huống			X	X				X	X		X
<b>IV. Dạy học tương tác</b>											
9. Thảo luận			X	X	X			X	X		
10. Làm việc nhóm			X	X	X					X	X
<b>V. Tự học</b>											
11. Bài tập ở nhà			X	X						X	X
12. Giải quyết tình huống cho sẵn			X	X	X			X	X	X	X

### **- Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học**

Bên cạnh việc áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy – học tập như trên thì giảng viên cần phải thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy, áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại ở bậc đại học nhằm giúp người học đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nâng cao chất lượng dạy học. Việc cải tiến được thực hiện theo hướng giảng viên tăng cường vận dụng công nghệ và các phương pháp giảng dạy hiện đại để phát huy tính tích cực, sáng tạo, độc lập của sinh viên nhằm giúp sinh viên chủ động trong học tập, tích cực nghiên cứu sách bài báo, tạp chí chuyên ngành,... phát hiện và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

#### **1.6.2. Phương pháp đánh giá**

##### **\* Thang điểm đánh giá:**

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

##### **\* Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

a. Học phần lý thuyết

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Chọn 1 trong các trọng số sau		
			Trọng số	Trọng số	Trọng số
1	<b>Chuyên cần</b>	<i>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i> <i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng</i>	10%	10%	10%
2	<b>Quá trình</b>	<i>* Sinh viên làm 1 hoặc nhiều bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết hoặc thuyết trình) theo các trọng số khác nhau tùy thuộc độ khó theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</i> <i>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.</i> <i>* Các bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</i> <i>- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn, bài tập nhóm: nội dung, hình thức, thể hiện bài báo cáo theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</i> <i>* Các bài thực hành theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</i> <i>- Tiêu chí đánh giá bài thực hành: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.</i>	20%	30%	40%
3	<b>Cuối kỳ</b>	<i>Thi kết thúc học phần</i> <i>* Hình thức thi: Viết/vấn đáp.</i> <i>- Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.</i> <i>* Hình thức thi: Thực hành.</i> <i>- Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.</i> <i>* Hình thức thi: Bài báo cáo</i> <i>- Tiêu chí đánh giá bài thi: nội dung, hình thức, vấn đáp bài báo cáo.</i>	70%	60%	50%

b. Học phần thực hành

*Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.*

c. Học phần đề án môn học, thực tập nhận thức, thực tập tốt nghiệp

*50% điểm quá trình; 50% điểm vấn đáp.*

d. Học phần khóa luận/đề án tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-ĐHQN ngày 15/5/2014 của Trường Đại học Quy Nhơn.

**\* Phương pháp đánh giá**

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

**Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)**

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>I. Đánh giá tiến trình</b>											
1. Đánh giá chuyên cần										X	X
2. Đánh giá bài tập	X		X	X		X		X	X		X
3. Đánh giá thuyết trình					X	X		X	X		
4. Đánh giá bài tập nhóm			X	X	X	X		X	X		
5. Đánh giá bài tập lớn			X	X				X	X		
6. Đánh giá bài báo cáo			X	X				X	X		X
<b>II. Đánh giá tổng kết</b>											
7. Kiểm tra viết		X	X	X		X	X	X	X		
8. Kiểm tra trắc nghiệm			X	X				X	X		
9. Thi vấn đáp			X	X	X			X	X		
10. Báo cáo			X	X				X	X		X
11. Bảo vệ khóa luận TN			X	X				X	X	X	X
12. Kiểm tra thực hành		X					X				

**2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

**2.1. Cấu trúc chương trình dạy học**

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	24	0
1.1	Khoa học chính trị và pháp luật	13	0
1.2	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – AN	12	0

1.3	Ngoại ngữ	7	0
1.4	KHXH/Toán, KHTN – Môi trường, KH Quản lý	4	0
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	98	13
2.1	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	23	0
2.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành	52	3
2.3	Kiến thức bổ trợ	17	10
2.4	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	0
<b>Tổng:</b>		<b>122</b>	<b>13</b>
		<b>135</b>	

**- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 9 học phần:**

Khối kiến thức giáo dục đại cương trang bị cho người học những kiến thức căn bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục quốc phòng - an ninh, ngoại ngữ và tin học đại cương. Nhằm giúp người học hiểu rõ về thể chế chính trị của Việt Nam, nắm vững đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, cũng như có những kiến thức căn bản về nền quốc phòng - an ninh của quốc gia. Từ đó, giúp người học nâng cao lý luận chính trị, có phẩm chất đạo đức, có ý thức tuân thủ pháp luật, hiểu và thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

**- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 42 học phần:**

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khối ngành kinh doanh và quản lý, những kiến thức này là nền tảng để nghiên cứu các môn chuyên sâu ngành Tài chính - Ngân hàng.

Ngoài ra, khối kiến thức chuyên ngành trang bị những kiến thức chuyên sâu về hoạt động của các ngân hàng thương mại và các định chế tài chính trung gian phi ngân hàng, hoạt động của thị trường chứng khoán, hoạt động tài chính khu vực nhà nước, hoạt động tài chính quốc tế, tài chính của các doanh nghiệp và quản lý tài chính kế toán trong doanh nghiệp; nắm vững kiến thức về cấu trúc, cơ chế vận hành và quản lý của hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, khối kiến thức này cũng trang bị những kiến thức chuyên sâu một trong các lĩnh vực: Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ, Quản lý tài chính kế toán, Tài chính công & Quản lý thuế nhằm giúp người học thực hành, sáng tạo trong nghề nghiệp cả về nghiệp vụ, kỹ năng tổ chức, quản lý lẫn các mối quan hệ nghề nghiệp, xã hội. Thêm vào đó, đây cũng là khối kiến thức giúp người học nâng cao phẩm chất đạo đức, pháp luật, chuẩn mực nghề nghiệp, ý thức cộng đồng, xã hội.

**2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Khối kiến thức		Số TC	Tỉ lệ	PLOs													
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11			
<b>1</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>24</b>	<b>17,8%</b>														
1.1.	Khoa học chính trị và pháp luật	13	9,6%	M											M	M	
1.2.	Giáo dục thể chất, GD quốc phòng – AN	12			M												L
1.3.	Ngoại ngữ	7	5,2%					M	M						M	M	
1.4.	KHXH/Toán, KHTN – Môi trường, KH Quản lý	4	3,0%														
<b>2</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>111</b>	<b>82,22%</b>														
2.1.	Khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	23	17,04%	M		M		L		M	M	M	M	M	M	M	M
2.2.	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	55	40,74%	M		H	H	M		L	H	H	M	H	M	H	
2.3.	Khối kiến thức bổ trợ	27	20,0%	M		M	H	H	H	H	H	H	M	M	M	M	
2.4.	Khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế KLTN	6	4,44%	M		H	H	H	H	H	H	H	M	M	M	M	

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

### 2.3. Danh sách các học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp				Khác (TT, ĐA, KL, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
					LT	BT	TL	TN/TH					
<b>I. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>													
<b>I.1. Khoa học chính trị và pháp luật</b>													
1	1130299	Triết học Mác – Lênin	1	3	40		10		85		LLCT& QLNN		
2	1130300	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	27		6		60	1130299	LLCT& QLNN		
3	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	27		6		60	1130299, 1130300	LLCT& QLNN		
4	1130302	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	4	2	27		6		60	1130301	LLCT& QLNN		



TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp				Khác (TT, ĐA, KL, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
					LT	BT	TL	TN/TH					
5	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	27		6			60	1130302	LLCT&QLNN	
6	1130049	Pháp luật đại cương	2	2	27		6			60	1130299	LLCT&QLNN	
<b>I.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-AN</b>				ĐK									
<b>I.2.1. Giáo dục thể chất: Sinh viên chọn 1 trong 7 nhóm GDTC sau</b>				3									
7	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)(* )	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
8	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)(* )	2	1	4			26		21	112017 2	GDTC-QP	
9	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)(* )	3	1	4			26		21	112017 3	GDTC-QP	
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)(* )	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)(* )	2	1	4			26		21	112017 5	GDTC-QP	
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)(* )	3	1	4			26		21	112017 6	GDTC-QP	
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)(* )	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)(* )	2	1	4			26		21	112017 8	GDTC-QP	
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)(* )	3	1	4			26		21	112017 9	GDTC-QP	
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)(* )	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)(* )	2	1	4			26		21	112018 1	GDTC-QP	
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)(* )	3	1	4			26		21	112018 2	GDTC-QP	
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)(* )	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)(* )	2	1	4			26		21	112018 4	GDTC-QP	
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)(* )	3	1	4			26		21	112018 5	GDTC-QP	
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)(* )	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)(* )	2	1	4			26		21	112018 7	GDTC-QP	
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)(* )	3	1	4			26		21	112018 8	GDTC-QP	

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp				Khác (TT, ĐA, KL, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
					LT	BT	TL	TN/TH					
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)(*))	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)(*))	2	1	4			26		21	1120190	GDTC-QP	
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)(*))	3	1	4			26		21	1120191	GDTC-QP	
<b>I.2.2. Giáo dục quốc phòng-AN</b>				9									
28	1120168	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1(*)	2	3	37		8			82		GDTC-QP	
29	1120169	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2(*)	2	2	22		8			52		GDTC-QP	
30	1120170	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3(*)	2	2	14			16		44		GDTC-QP	
31	1120171	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4(*)	2	2	4			56		64		GDTC-QP	
<b>I.3. Ngoại ngữ</b>				7									
32	1090061	Tiếng Anh 1	1	3	45					90		Ngoại ngữ	
33	1090166	Tiếng Anh 2	2	4	60					120	1090061	Ngoại ngữ	
<b>I.4. KHXH/Toán, KHTN – Môi trường, KH Quản lý</b>				4									
34	2030003	Kỹ năng giao tiếp	2	2	18		4	20		48		KHXH & NV	
35	1150422	Khởi nghiệp	5	2	20	5	10			55		TC-NH & QTKD	
<b>II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>111</b>									
<b>II.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành</b>				23									
36	1140170	Kinh tế vi mô	1	3	34	9	4			90		KT&KT	
37	1140171	Kinh tế vĩ mô	1	3	36	9				90		KT&KT	
38	1140182	Toán cao cấp cho kinh tế	1	2	24	6				60		KT&KT	
39	1140104	Toán kinh tế	2	3	36	9				90	1140182	KT&KT	
40	1140047	Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán	3	3	36	9				90	1140182, 1140104	KT&KT	
41	1050243	Tin học cơ sở	2	3	30			30		90		CNTT	
42	1140048	Nguyên lý kế toán	3	3	36	9				90	1140170, 1140171	KT&KT	
43	1150035	Marketing căn bản	3	3	40	5				90	1140170, 1140171	TC-NH & QTKD	

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp				Khác (TT, ĐA, KL, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
					LT	BT	TL	TN/TH					
<b>II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)</b>				55									
<b>II.2.1. Kiến thức ngành</b>				32									
<b>II.2.1a. Phần bắt buộc</b>				29									
44	1150048	Nhập môn Tài chính - Tiền tệ	4	4	50	6	8			120	1140171	TC-NH & QTKD	
45	1150415	Tài chính doanh nghiệp	6	4	45	13	4			120	1150048, 1140023, 1150131	TC-NH & QTKD	
46	1150412	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	5	4	46	5	18			120	1150048	TC-NH & QTKD	
47	1150235	Thanh toán quốc tế	6	3	30	10	10			90	1150048	TC-NH & QTKD	
48	1150034	Lý thuyết Tài chính công	5	3	40	5				90	1140170, 1140171	TC-NH & QTKD	
49	1150300	Thuế	6	3	25	20				90	1150034	TC-NH & QTKD	
50	1150047	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	4	3	36	5	8			90		TC-NH & QTKD	
51	1150131	Toán tài chính	3	2	20	10				60		TC-NH & QTKD	
52	1150444	Kiểm soát nội bộ	6	3	35	5	10			90	1140048	TC-NH & QTKD	
<b>Chọn 1 trong 2 học phần 3/6 TC</b>				3									
53	1150105	Tài chính quốc tế	5	3	35	10				90	1150048	TC-NH & QTKD	
54	1150117	Thị trường chứng khoán	5	3	37	8				90	1150048	TC-NH & QTKD	
<b>II.2.2. Kiến thức chuyên ngành</b>				23									
<b>II.2.2a. Phần bắt buộc</b>				23									
<b>II.2.2.a.1 Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp</b>				23									
55	1150299	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	7	3	32	10	6			90	1150415	TC-NH & QTKD	
56	1150086	Quản trị rủi ro tài chính	7	3	34	11				90	1150048	TC-NH & QTKD	
57	1150200	Phân tích tài chính	7	3	40	5				90	1140033; 1150415	TC-NH & QTKD	
58	1150054	Pháp luật Tài chính - Kế toán	7	2	23	6	2			60	1150048	TC-NH & QTKD	
59	1150002	Chuyên đề Phân tích dự án đầu tư	7	3	35	10				90	1150415	TC-NH & QTKD	
60	1150053	Phân tích và đầu tư chứng khoán	7	3	32	10	6			90	1150048	TC-NH & QTKD	
61	1150276	Tài chính công ty đa quốc gia	7	3	38	5	4			90		TC-NH & QTKD	

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp				Khác (TT, ĐA, KL, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
					LT	BT	TL	TN/TH					
62	1150416	Tài chính hành vi	6	3	40	5				90	1140033	TC-NH & QTKD	
<b>II.2.2.a.2 Chuyên ngành Ngân hàng &amp; KDTT</b>				<b>23</b>									
63	1150201	Quản trị ngân hàng thương mại	7	3	33	10	4			90	1150215	TC-NH & QTKD	
64	1150215	Nghiệp vụ NHTM hiện đại	6	3	34	6	10			90	1150412	TC-NH & QTKD	
65	1150236	Thanh toán quốc tế nâng cao	7	3	30	10	10			90	1150235	TC-NH & QTKD	
66	1150043	Nghiệp vụ ngân hàng Trung ương	7	3	35	6	8			90	1150034	TC-NH & QTKD	
67	1150409	Kinh doanh bảo hiểm	7	3	37	4	8			90	1150047	TC-NH & QTKD	
68	1150014	Kế toán ngân hàng	7	3	30	14	2			90	1140023	TC-NH & QTKD	
69	1150112	Thẩm định tín dụng	7	3	34	7	8			90	1150415	TC-NH & QTKD	
70	1150410	Kỹ năng giao dịch trong kinh doanh ngân hàng	7	2	23		8	6		60	1150412	TC-NH & QTKD	
<b>II.2.2.a.3 Chuyên ngành Quản lý Tài chính – Kế toán</b>				<b>23</b>									
71	1150061	Quản lý Tài chính – Kế toán 1	7	4	41	15	2	6		120	1140023	TC-NH & QTKD	
72	1150062	Quản lý Tài chính – Kế toán 2	7	4	49	9	4			120	1140023	TC-NH & QTKD	
73	1140167	Kế toán quản trị	6	3	36	8	2			90	1140048	KT&KT	
74	1150054	Pháp luật Tài chính – Kế toán	7	2	23	6	2			60	1150048	TC-NH & QTKD	
75	1150015	Kế toán ngân hàng	7	2	23	6	2			60	1140023	TC-NH & QTKD	
76	1150413	Phân tích tài chính	7	2	25	5				60	1140033	TC-NH & QTKD	
77	1150245	Hướng dẫn thực hành Quản lý Tài chính – Kế toán	7	3	30	6	6	12		90	1140023	TC-NH & QTKD	
78	1150243	Hệ thống thông tin sử dụng trong Quản lý Tài chính - Kế toán	7	3	39	5	2			90	1140023	TC-NH & QTKD	
<b>II.2.2.a.4 Chuyên ngành Tài chính công &amp; Quản lý thuế</b>				<b>23</b>									
79	1140112	Kế toán công	6	3	36	9				90	1140048	KT&KT	
80	1150274	Tài chính công 1	7	4	55	5				120	1150034	TC-NH & QTKD	
81	1150275	Tài chính công 2	7	3	35	10				90	1140033, 1150034	TC-NH & QTKD	

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp				Khác (TT, ĐA, KL, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
					LT	BT	TL	TN/TH					
82	1150063	Quản lý tài chính các đơn vị công	7	2	25	5				60	1150034	TC-NH & QTKD	
83	1150301	Khai báo thuế	7	3	27	14		8		90	1150300	TC-NH & QTKD	
84	1150126	Thuế quốc tế	7	3	25	20				90	1150300	TC-NH & QTKD	
85	1150199	Phân tích báo cáo tài chính và kiểm tra thuế	7	3	35	8	4			90	1140048, 1140023, 1150300	TC-NH & QTKD	
86	1150417	Thẩm định đầu tư công	7	2	20	10				60	1150034	TC-NH & QTKD	
<i>II.2.2b. Phần tự chọn</i>				0									
<b>II.3. Kiến thức bổ trợ</b>				<b>27</b>									
<b>II.3.1. Đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp</b>				<b>22</b>									
<i>II.3.1a. Các học phần bắt buộc</i>				12									
87	1150248	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	1	2	24	4	4			60		TC-NH & QTKD	
88	1150142	Quản trị học	2	2	25	3	4			60		TC-NH & QTKD	
89	1140033	Kinh tế lượng	5	3	30	9		12		90	1140047	KT&KT	
90	1140023	Kế toán tài chính	4	3	36	9				90	1140048	KT&KT	
91	1150213	Tiếng Anh chuyên ngành TC-NH	5	2	15	15				60	1090166	TC-NH & QTKD	
<i>II.3.1b. Các học phần tự chọn</i>													
<b>Chọn 2 trong 5 học phần</b>				<b>4/10 TC</b>	4								
92	1140036	Kinh tế phát triển	3	2	24	6				60	1140170, 1140171	KT&KT	
93	1150026	Kinh tế quốc tế	3	2	24	4	4			60	1140171	TC-NH & QTKD	
94	1150023	Kinh tế môi trường	3	2	26	4				60	1140170	TC-NH & QTKD	
95	1150071	Quản trị doanh nghiệp	3	2	22	7	2			60	1140170, 1140171	TC-NH & QTKD	
96	1150056	Phương pháp tối ưu trong kinh doanh	3	2	20	10				60	1140182	TC-NH & QTKD	
<b>Chọn 3 trong 4 học phần</b>				<b>6/8 TC</b>	6								
97	1130036	Luật Kinh tế	4	2	30					60	1130049	LLCT & QLNN	
98	1150249	Lãnh đạo học	4	2	22	4	8			60	1150142	TC-NH & QTKD	

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp				Khác (TT, ĐA, KL, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
					LT	BT	TL	TN/TH					
99	1150269	Quản trị nhân lực	4	2	18	10	2	2		60		TC-NH & QTKD	
100	1150414	Phương pháp nghiên cứu trong tài chính	4	2	22	8				60		TC-NH & QTKD	
<b>II.3.2. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp theo chuyên ngành</b>				<b>5</b>									
101	1150121	Thực tập tổng hợp	6	2					X			TC-NH & QTKD	
102	1150123	Thực tập tốt nghiệp	8	3					X	1150121		TC-NH & QTKD	
<b>II.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế</b>				<b>6</b>									
<b>II.4.1. Khóa luận tốt nghiệp</b>													
103	1150446	Khóa luận tốt nghiệp	8	6					X			TC-NH & QTKD	
<b>II.4.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>													
<b>*Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp</b>													
104	1150224	Chuyên đề: Quản lý đầu tư tài chính	8	3	35	5	10			90	1150053	TC-NH & QTKD	
105	1150436	Chuyên đề: Quản lý tài chính doanh nghiệp	8	3	33	12				90	1150299, 1150200	TC-NH & QTKD	
<b>*Chuyên ngành Ngân hàng &amp; Kinh doanh tiền tệ</b>				<b>6</b>									
106	1150411	Nghiệp vụ ngân hàng thực hành	8	3	30	10		10		90	1150215	TC-NH & QTKD	
107	1150437	Chuyên đề: Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng	8	3	35	8		4		90	1150215, 1150201	TC-NH & QTKD	
<b>*Chuyên ngành Quản lý Tài chính – Kế toán</b>				<b>6</b>									
108	1150217	Chuyên đề: Hệ thống quản lý Tài chính – Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp	8	3	27	16	4			90	1150062	TC-NH & QTKD	
109	1150439	Chuyên đề: Hệ thống quản lý tài chính – kế toán doanh nghiệp	8	3	27	16	4			90	1150061	TC-NH & QTKD	
<b>* Chuyên ngành Tài chính công &amp; Quản lý thuế</b>				<b>6</b>									
110	1150227	Chuyên đề: Quản lý thuế	8	3	33	8	8			90	1150300	TC-NH & QTKD	
111	1150440	Chuyên đề: Quản lý tài chính công	8	3	39	6				90	1150274, 1150275, 1150063	TC-NH & QTKD	

Ghi chú: (\*) – Học phần điều kiện

#### **2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy**



















39	1050243	Tin học cơ sở					M		M			M	M
40	1140048	Nguyên lý kế toán			M					M		M	M
41	1150035	Marketing căn bản			M		L			M	M	M	M
42	1150048	Nhập môn Tài chính - Tiền tệ				M	M			M	M	M	M
43	1150415	Tài chính doanh nghiệp				M				M	M	M	M
44	1150412	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại				M	L			M	M	M	M
45	1150235	Thanh toán quốc tế				M	L			M	M	M	M
46	1150034	Lý thuyết Tài chính công				M	L			M	M	M	M
47	1150300	Thuế				M	L			M	M	L	M
48	1150047	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm				M	L			M	M	M	M
49	1150131	Toán tài chính				M	L			M	M	M	M
50	1150444	Kiểm soát nội bộ			M	M	L			M	M	M	M
51	1150105	Tài chính quốc tế				M	M			M	M	M	M
52	1150117	Thị trường chứng khoán				M	M			M	M	M	M
53	1150299	Tài chính doanh nghiệp nâng cao				M	M			M	H	M	M
54	1150086	Quản trị rủi ro tài chính				M				H	H	M	M
55	1150200	Phân tích tài chính				M	L			H	H	M	M
56	1150054	Pháp luật Tài chính - Kế toán				M	M		L	M	M	M	M
57	1150002	Chuyên đề Phân tích dự án đầu tư				H				H	H	M	M
58	1150053	Phân tích và đầu tư chứng khoán				M	M			M	M	M	M
59	1150276	Tài chính công ty đa quốc gia				H	L			H	H	M	M
60	1150416	Tài chính hành vi				M	L			M	M	M	M
61	1150201	Quản trị ngân hàng thương mại				M	L			M	M	M	M
62	1150215	Nghiệp vụ NHTM hiện đại				M	L			M	M	M	M
63	1150236	Thanh toán quốc tế nâng cao				M	L			H	H	M	M
64	1150043	Nghiệp vụ ngân hàng Trung ương				M	L			H	H	M	M
65	1150409	Kinh doanh bảo hiểm				M	L			M	M	M	M
66	1150014	Kế toán ngân hàng (3TC)				M	L			M	M	M	M
67	1150112	Thẩm định tín dụng				M	L			H	H	M	M
68	1150410	Kỹ năng giao dịch trong kinh doanh ngân hàng				M	L			M	M	M	M
69	1150061	Quản lý Tài chính - Kế toán 1				M	M			M	M	M	M
70	1150062	Quản lý Tài chính - Kế toán 2				M				M	M	M	M
71	1140167	Kế toán quản trị			H						M	M	H
72	1150054	Pháp luật Tài chính - Kế toán				M	M		L	M	M	M	M
73	1150015	Kế toán ngân hàng (2TC)				M	L			M	M	M	M
74	1140413	Phân tích tài chính				M	L			M	M	M	M
75	1150245	Hướng dẫn thực hành Quản lý Tài chính - Kế toán				M	M			H	H	M	M
76	1150243	Hệ thống thông tin sử dụng trong Quản lý Tài chính - Kế toán				M				H	H	M	M
77	1140111	Kế toán công				M	L			M	M	M	M
78	1150274	Tài chính công 1	M			M	L			M	M	M	M
79	1150275	Tài chính công 2				H				H	H	M	M
80	1150063	Quản lý tài chính các đơn vị công				M	L			M	M	M	M
81	1150301	Khai báo thuế				M	L			M	M	L	M



82	1150126	Thuế quốc tế				M	L			M	M	L	M
83	1150199	Phân tích báo cáo tài chính và kiểm tra thuế				M				H	H	M	M
84	1150417	Thẩm định đầu tư công	M			M	L		L	M	M	M	M
85	2030003	Kỹ năng giao tiếp	M									M	M
86	1150248	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch			L		M					M	M
87	1150142	Quản trị học			M		L				L	L	L
88	1150422	Khởi nghiệp	M									M	M
89	1140033	Kinh tế lượng	M		M		L				L		L
90	1140023	Kế toán tài chính			M					M		M	M
91	1150213	Tiếng Anh chuyên ngành TC-NH				M	L			M	M	M	M
92	1140036	Kinh tế phát triển				M	L			M	M	M	M
93	1150026	Kinh tế quốc tế				M	L			M	M	L	L
94	1150023	Kinh tế môi trường	M				L				M	L	L
95	1150071	Quản trị doanh nghiệp				M	L			M	M	M	M
96	1150056	Phương pháp tối ưu trong KD				M	L			M	M	M	M
97	1130036	Luật kinh tế	M							M	M	L	L
98	1150249	Lãnh đạo học				M	M			M	M	M	M
99	1150269	Quản trị nhân lực				M	M			M	M	M	M
100	1150414	Phương pháp nghiên cứu trong tài chính			M	M	L	M			M	M	M
101	1150121	Thực tập tổng hợp				H	M			M	M	M	M
102	1150123	Thực tập tốt nghiệp				H	L			M	H	M	M
103	1150446	Khóa luận tốt nghiệp			H	H	H			H	H	M	M
104	1150224	Chuyên đề: Quản lý đầu tư tài chính				H	H				H	M	M
105	1150436	Chuyên đề: Quản lý tài chính doanh nghiệp				M				H	H	M	M
106	1150411	Nghiệp vụ ngân hàng thực hành				M	L			M	M	M	M
107	1150437	Chuyên đề: Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng				M	L			M	M	M	M
108	1150217	Chuyên đề: Hệ thống quản lý Tài chính – Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp				M	M				M	M	M
109	1150439	Chuyên đề: Hệ thống quản lý tài chính – kế toán doanh nghiệp				M				H	H	M	M
110	1150227	Chuyên đề: Quản lý thuế				M	L			M	M	L	M
111	1150440	Chuyên đề: Quản lý tài chính công				M				H	M	M	M

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

## **2.6. Mô tả tóm tắt các học phần**

### **1. [1130299] - Triết học Mác-Lênin – 3TC**

Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác– Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.

### **2. [1130300] - Kinh tế chính trị Mác – Lênin – 2TC**

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

### **3. [1130301] - Chủ nghĩa xã hội khoa học – 2TC**

Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.

Cũng như Triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, nghiên cứu, CNXHKKH không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là cải tạo thế giới theo quy luật của tự nhiên, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXHKKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội... Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

### **4. [1130302] - Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam – 2TC**

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn

thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).

#### **5. [1130091] - Tư tưởng Hồ Chí Minh – 2TC**

Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

#### **6. [1130049] - Pháp luật đại cương – 2TC**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

#### **7. [1120172] - Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) – 1TC**

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tố chất thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người. Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

#### **8. [1120173] - Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) – 1TC**

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao. Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

#### **9. [1120174] - Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) – 1TC**

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tâng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam. Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

**28. [1120168] - Giáo dục quốc phòng-An ninh 1 – 3TC**

**29. [1120169] - Giáo dục quốc phòng-An ninh 2 – 2TC**

**30. [1120170] - Giáo dục quốc phòng-An ninh 3 – 2TC**

**31. [1120171] - Giáo dục quốc phòng-An ninh 4 – 2TC**

**32. [1090061] - Tiếng Anh 1 – 3TC**

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, *Tiếng Anh 1*, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

**33. [1090166] - Tiếng Anh 2 – 4TC**

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần *Tiếng Anh 1*, *Tiếng Anh 2* bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như *phrasal verbs*, *linking words* và *collocations*, v.v. và những chủ đề khó hơn như *âm nhạc và tính cách*, *phim ảnh*, *sự kiện quá khứ* và *trải nghiệm* với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

**34. [1140170] – Kinh tế vi mô – 3TC**

Kinh tế vi mô là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nghiên cứu bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng trong nền kinh tế thị trường. Khác với Kinh tế vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế như một tổng thể, Kinh tế vi mô tập trung vào việc phân tích các hành vi của các chủ thể kinh tế như người sản xuất, người tiêu dùng, kể cả Chính phủ trên từng thị trường riêng biệt. Học phần có quan hệ là nền tảng cho các học phần khác như: Marketing căn bản, Khởi sự kinh doanh.

**35. [1140171] – Kinh tế vĩ mô – 3TC**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức cơ sở ngành cho ngành tài chính ngân hàng. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về nguyên lý của kinh tế học, các vấn đề kinh tế vĩ mô như sản lượng quốc gia, tổng cung tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp và các vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ sử dụng để điều hành nền kinh tế. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các kiến thức liên quan đến nền kinh tế mở như cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như kinh tế vi

mô, kinh tế phát triển, nhập môn tài chính - tiền tệ.

### **36. [1140182] - Toán cao cấp cho kinh tế - 2TC**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector  $n$  chiều và ứng dụng của chúng trong kinh tế, giúp cho người học có công cụ để diễn giải một số vấn đề kinh tế - xã hội. Học phần thuộc kiến thức cơ sở và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Tài chính – Ngân hàng. Dựa trên nền tảng sinh viên nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học phân tích một số mối quan hệ kinh tế vi mô và vĩ mô cơ bản bằng công cụ toán học.

### **37. [1140104] - Toán kinh tế - 3TC**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức toán giải tích cơ bản về hàm số một biến, hàm số nhiều biến, phép toán tích phân, phương trình vi phân, phương trình sai phân và những ứng dụng của chúng trong phân tích kinh tế. Học phần thuộc kiến thức ngành và cơ sở ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng. Dựa trên nền tảng sinh viên đã nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học hiểu được cách thức áp dụng các công cụ toán học để giải quyết các bài toán kinh tế tài chính.

### **38. [1140047] – Lý thuyết xác suất và Thống kê toán - 3TC**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán bao gồm: biến cố và xác suất, biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, biến ngẫu nhiên hai chiều, cơ sở lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết thống kê. Học phần thuộc kiến thức ngành và cơ sở ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp . Dựa trên nền tảng sinh viên đã có những hiểu biết cơ bản về toán kinh tế, học phần giúp người học hiểu được cách thức sử dụng các công cụ xác suất và thống kê để tính toán, diễn giải các hiện tượng kinh tế - xã hội.

### **39. [1050243] – Tin học cơ sở - 3TC**

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành kinh tế. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành kinh tế, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Python.

### **40. [1140048] – Nguyên lý kế toán - 3TC**

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp, học phần Nguyên lý kế toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau: hệ thống hóa những nét tổng quan nhất về đối

trọng, nhiệm vụ và các nguyên tắc kế toán chung; các phương pháp sử dụng trong hạch toán kế toán; một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực tiễn. Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Tài chính ngân hàng. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô; học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kế toán đối với sinh viên ngành tài chính ngân hàng và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

#### **41. [1150035] – Marketing căn bản - 3TC**

Học phần Marketing căn bản trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan nhất về Marketing, các quan điểm quản trị Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing và hành vi mua của khách hàng, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm. Đồng thời giáo trình marketing căn bản xây dựng các công cụ của Marketing hỗn hợp (Marketing - Mix) để tác động vào thị trường mục tiêu nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng mục tiêu và đạt được các mục tiêu đã đặt ra của doanh nghiệp.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành quản trị kinh doanh, tài chính ngân hàng, thương mại quốc tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức marketing toàn diện sau khi ra trường.

#### **42. [1150048] – Nhập môn Tài chính - Tiền tệ - 4TC**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về tiền tệ và cơ chế kiểm soát tiền tệ như: bản chất của tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất tín dụng, hoạt động tín dụng trong nền kinh tế, hoạt động ngân hàng thương mại, ngân hàng Trung ương và việc sử dụng công cụ chính sách tiền tệ trong các điều kiện của nền kinh tế; Đồng thời cung cấp các kiến thức chung về tài chính như tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, ngân sách nhà nước và tài chính quốc tế. Kiến thức học phần này là nền tảng giúp cho sinh viên học tốt các môn học trong chuyên ngành tài chính - ngân hàng như nghiệp vụ ngân hàng thương mại, tài chính doanh nghiệp, tài chính công, thẩm định tín dụng, quản trị rủi ro tài chính...

#### **43. [1150415] – Tài chính doanh nghiệp - 4TC**

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp, quản lý thu chi trong doanh nghiệp, phân tích báo cáo tài chính, xác định nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn, hệ thống đòn bẩy trong doanh nghiệp, quản trị tiền mặt, khoản phải thu và hàng tồn kho, đầu tư tài sản dài hạn.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần có quan hệ hỗ trợ cho các học phần thuộc kiến thức chuyên ngành như Tài chính doanh nghiệp nâng cao, Phân tích tài chính, ...

#### **44. [1150412] – Nghiệp vụ ngân hàng thương mại - 4TC**

Học phần giảng dạy cho sinh viên ngành Tài chính ngân hàng, nội dung học phần cung cấp kiến thức cơ bản và toàn diện về các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng thương mại, đặc biệt tập trung vào các nghiệp vụ chủ yếu của ngân hàng như nghiệp vụ huy động vốn và các hình thức huy động vốn, nghiệp vụ cho vay khách hàng doanh nghiệp, cho vay khách hàng cá nhân, chiết khấu chứng từ có giá, giúp người học có điều kiện công tác tốt tại ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác. Đây là học phần cung cấp các kiến thức nền tảng và có quan hệ hỗ trợ với học các học phần: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại hiện đại, Nghiệp vụ ngân hàng Trung Ương, Kế toán ngân hàng, Thẩm định tín dụng.

#### **45. [1150235] – Thanh toán quốc tế - 3TC**

Thanh toán quốc tế là khâu cuối cùng và cũng là một trong các khâu quan trọng của giao dịch kinh tế và thương mại giữa chủ thể các quốc gia trên phạm vi thế giới. Học phần này sẽ giới thiệu và cung cấp cho người học các kiến thức tổng quan về hoạt động thanh toán quốc tế trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các điều kiện trong thương mại quốc tế, tỷ giá hối đoái và cơ chế hình thành tỷ giá, cách tính tỷ giá hối đoái, thị trường ngoại hối và các giao dịch ngoại hối (kỳ hạn, tương lai, hoán đổi, quyền chọn), các phương tiện thanh toán quốc tế (hối phiếu, lệnh phiếu, séc, thẻ thanh toán), các phương thức thanh toán quốc tế (chuyển tiền, nhờ thu, tín dụng chứng từ, bao thanh toán quốc tế), bộ chứng từ trong thanh toán quốc tế. Học phần này sẽ bổ sung thêm các kiến thức chung trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, đồng thời hỗ trợ cho học phần Thanh toán quốc tế nâng cao đối với chuyên ngành NH&KDDT.

#### **46. [1150034] – Lý thuyết tài chính công - 3TC**

Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính công, như: Cơ sở cho sự can thiệp của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường, chức năng của Chính phủ trong khắc phục tính phi hiệu quả của thị trường và phân phối thu nhập nhằm đảm bảo công bằng xã hội; Tổng quan về chi tiêu công cộng và quản lý chi tiêu công cộng; Tổng quan về các nguồn thu ngân sách – thuế và tác động của thuế đến phân phối thu nhập. Đây là môn học tạo nền tảng cơ bản cho người học nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu liên quan đến tài chính công, là cơ sở cho các môn học chuyên ngành liên quan đến Tài chính công và quản lý thuế.

#### **47. [1150300] – Thuế - 3TC**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về Thuế, hệ thống các luật thuế tại Việt Nam; Thuế Xuất khẩu -Thuế Nhập khẩu; Thuế Tiêu thụ đặc biệt; Thuế Giá trị gia tăng; Thuế Thu nhập doanh nghiệp; Thuế Thu nhập cá nhân; Thuế sử dụng đất; Thuế bảo vệ môi trường; Thuế tài nguyên; Phí và lệ phí. Học phần có quan hệ hỗ trợ cho các học phần khác như: Tài chính công, Khai báo Thuế, Quản lý Thuế, Thuế quốc tế...

#### **48. [1150047] – Nguyên lý và thực hành bảo hiểm - 3TC**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về bảo hiểm như: Lý thuyết chung về bảo hiểm; Đặc điểm, nguyên tắc chung của một số loại hình bảo hiểm. Bên cạnh đó, học phần còn giúp người học hiểu và vận dụng được cách tính phí bảo hiểm cho một số loại hình bảo hiểm như bảo hiểm con người, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm hàng hải, bảo hiểm xe cơ giới, kinh doanh bảo hiểm.

#### **49. [1150131] – Toán tài chính - 2TC**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức nền tảng của ngành Tài chính – ngân hàng. Học phần trang bị cho người học những kiến thức căn bản về toán ứng dụng trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng như: lãi đơn, lãi kép, chiết khấu thương phiếu, đồng thời cung cấp kiến thức cơ bản về vay vốn và chuỗi tiền tệ. Kiến thức học phần này hỗ trợ cho sinh viên tính toán tốt các môn học trong chuyên ngành Tài chính – ngân hàng như: tài chính doanh nghiệp, nghiệp vụ ngân hàng thương mại, nhập môn tài chính – tiền tệ, thẩm định tín dụng, thị trường chứng khoán, quản trị rủi ro tài chính, đầu tư tài chính.

#### **50. [1150444] – Kiểm soát nội bộ - 3TC**

Kiểm soát nội bộ là học phần thuộc phần kiến thức ngành, học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên khuôn mẫu cơ bản về kiểm soát nội bộ tại doanh nghiệp và ngân hàng, các tổ chức tài chính; trình tự về các bước Kiểm soát nội bộ; gian lận và các biện pháp phòng ngừa gian lận; các phương pháp Kiểm soát nội bộ được áp dụng hiện nay; khái quát về Kiểm soát các chu trình trong Doanh nghiệp cũng như trong Ngân hàng và các tổ chức tài chính. Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ là một biện pháp rất quan trọng vì chúng giúp ngăn ngừa, phát hiện các sai phạm và yếu kém, giảm thiểu tổn thất, nâng cao hiệu quả nhằm giúp tổ chức đạt được các mục tiêu. Học phần này cùng với những học phần như Tài chính doanh nghiệp và một số học phần khác giúp người học có cái nhìn khái quát hơn về hoạt động của đơn vị.

#### **51. [1150105] – Tài chính quốc tế - 3TC**

Học phần cung cấp kiến thức về sự phát triển của các công ty đa quốc gia, quá trình quốc tế hóa tài chính doanh nghiệp, chức năng tầm quan trọng của quản trị tài chính quốc tế, cách xác định tỷ giá hối đoái, thị trường tiền tệ quốc tế, sự cân bằng trong thị trường tiền tệ quốc tế, hệ thống tiền tệ quốc tế và cán cân thanh toán quốc tế, và cách xác định rủi ro quốc gia. Học phần thuộc khối kiến thức ngành của ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần Tài chính tiền tệ, Tài chính doanh nghiệp, Thanh toán Quốc tế.

#### **52. [1150117] – Thị trường chứng khoán - 3TC**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán như: các khái niệm, đặc điểm vai trò, cấu trúc của thị trường chứng khoán và các hình thức hiệu quả của thị trường; các vấn đề cơ bản về hàng hóa trên thị trường chứng khoán và cách phát hành chứng khoán; công ty chứng khoán và các hoạt động cơ bản của công ty chứng khoán; phân



loại thị trường và giao dịch chứng khoán trên thị trường; rủi ro và lợi nhuận trong hoạt động đầu tư chứng khoán, các nội dung cơ bản trong phân tích và đầu tư chứng khoán.

### **53. [1150299] – Tài chính doanh nghiệp nâng cao - 3TC**

Học phần Tài chính doanh nghiệp nâng cao là học phần được thiết kế riêng cho chuyên ngành hẹp TCDN, sau khi người học đã được học học phần Tài chính doanh nghiệp. Do đó, học phần sẽ cung cấp những kiến thức chuyên sâu về TCDN, quản lý TCDN và tiếp cận thực hành theo hướng nghiên cứu tình huống về quản lý tài chính tại các công ty thực tế. Trên cơ sở cung cấp những khái niệm, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính như: Quản lý ngân quỹ; quản trị rủi ro và lập kế hoạch tài chính; quản trị tài sản ngắn hạn; phân tích tài chính; quản trị tài sản dài hạn và hoạt động đầu tư dài hạn của doanh nghiệp; cơ cấu vốn và các lý thuyết về cơ cấu vốn; hệ thống đòn bẩy trong doanh nghiệp; cổ tức và chính sách phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp...sẽ giúp cho người học hiểu, phân tích và đánh giá được tình hình tài chính của doanh nghiệp. Từ đó sẽ đưa ra các quyết định tài chính phù hợp.

Để đạt được mục đích của học phần là giúp cho người học đánh giá được tình hình tài chính của doanh nghiệp cũng như đưa ra các quyết định tài chính thì đòi hỏi người học phải nắm vững các kiến thức ngành đã được học ở các học phần trước và tích cực nghiên cứu các vấn đề thảo luận, các nghiên cứu tình huống do giảng viên cung cấp.

### **54. [1150086] – Quản trị rủi ro tài chính - 3TC**

Học phần sẽ giới thiệu những kiến thức tổng quan về quản trị rủi ro tài chính của một doanh nghiệp và những chiến lược cơ bản liên quan đến việc sử dụng các công cụ phái sinh cơ bản (cụ thể bao gồm hợp đồng quyền chọn (options), hợp đồng giao sau (future), hợp đồng kỳ hạn (forward), hợp đồng hoán đổi (swap)); hoặc một số chiến lược sử dụng kết hợp các công cụ phái sinh trong việc quản trị rủi ro tài chính.

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

### **55. [1150200] – Phân tích tài chính - 3TC**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành cho chuyên ngành tài chính doanh nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức để có thể đánh giá khái quát tình hình tài chính thông qua phân tích tình hình huy động vốn, mức độ độc lập tài chính, khả năng thanh toán và khả năng sinh lợi của doanh nghiệp. Ngoài ra học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến việc: phân tích cấu trúc tài chính và cân bằng tài chính, phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán, phân tích hiệu quả kinh doanh, định giá doanh nghiệp, phân tích dấu hiệu khủng hoảng và rủi ro tài chính.

Học phần có quan hệ bổ trợ với các học phần khác như tài chính doanh nghiệp nâng cao, quản trị rủi ro tài chính, phân tích và đầu tư chứng khoán, tài chính công ty đa quốc gia, chuyên đề phân tích dự án đầu tư.

#### **56. [1150054] – Pháp luật Tài chính – Kế toán - 2TC**

Học phần Pháp luật Tài chính – Kế toán là môn học thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp, là một môn học cung cấp những qui định pháp luật mang tính chất đặc thù và những kiến thức mang tính cập nhật nhất liên quan trực tiếp đến công tác quản lý tài chính và kế toán tại doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp. Học phần được thiết kế đi từ nội dung chung và tổng quát nhất của hệ thống pháp luật tài chính- kế toán đến nhưng quy định đặc thù nổi bật liên quan trực tiếp đến hoạt động các tổ chức. Học phần được cập nhật thường xuyên ứng với sự thay đổi trong hệ thống pháp luật tài chính kế toán nhằm đáp ứng nhu cầu về giáo dục chuyên nghiệp cho sinh viên chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp. Học phần có quan hệ bổ trợ với các học phần khác như Tài chính doanh nghiệp nâng cao, Phân tích tài chính.

#### **57. [1150002] – Chuyên đề phân tích dự án đầu tư - 3TC**

Học phần trình bày những kiến thức cơ bản về phân tích dự án đầu tư trong doanh nghiệp, bao gồm: phân tích các nội dung về lập và thẩm định một dự án đầu tư khả thi với các khía cạnh kinh tế và xã hội, cụ thể bao gồm phân tích thị trường của dự án, phân tích kỹ thuật và công nghệ của dự án, tổ chức nhân sự và tiền lương của dự án, phân tích tài chính dự án đầu tư và lợi ích kinh tế - xã hội, ứng dụng phân tích dự án đầu tư từ ý tưởng kinh doanh thực tế và thực hành phân tích rủi ro của dự án.

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành hẹp trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

#### **58. [1150053] – Phân tích và đầu tư chứng khoán - 3TC**

Học phần Phân tích và đầu tư chứng khoán là học phần được thiết kế riêng cho chuyên ngành hẹp TCDN, sau khi người học đã được tiếp cận với kiến thức của môn Tài chính – tiền tệ, Thị trường chứng khoán. Do đó, học phần sẽ cung cấp những kiến thức chuyên sâu về hoạt động phân tích và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. Trên cơ sở cung cấp những kiến thức liên quan đến: tổng quan về đầu tư tài chính; các lý thuyết, mô hình định giá chứng khoán; hoạt động phân tích chứng khoán bao gồm phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật; phân tích các loại chứng khoán phái sinh và ứng dụng chứng khoán phái sinh trong quản lý danh mục đầu tư; quản trị danh mục đầu tư...sẽ giúp cho người học hiểu, phân tích các mã chứng khoán của các công ty niêm yết trên thị trường và bước đầu tiếp cận với việc xây dựng, quản lý danh mục đầu tư cho riêng bản thân mình.

Để đạt được mục đích của học đích của học phần là giúp cho người học phân tích các mã chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư của mình thì đòi hỏi người học phải nắm vững các kiến thức ngành đã được học ở các học phần trước và tích cực nghiên cứu các vấn đề thảo luận, các nghiên cứu tình huống do giảng viên cung cấp.

#### **59. [1150276] – Tài chính công ty đa quốc gia - 3TC**

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về môi trường tài chính toàn cầu, thuyết ngoại hối và các loại thị trường tiền tệ, chính sách tài trợ doanh nghiệp đa quốc gia, và cách đưa ra các quyết định đầu tư ra nước ngoài của các công ty đa quốc gia. Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Tài chính- Ngân hàng, thuộc kiến thức chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp, học phần có quan hệ chặt chẽ đến học phần Tài chính tiền tệ, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính quốc tế.

#### **60. [1150416] – Tài chính hành vi- 3TC**

Học phần trang bị kiến thức/lý thuyết ứng dụng tâm lý học để giải thích các hành vi định giá tài sản, các quyết định tài chính trong doanh nghiệp và hành vi của nhà đầu tư. Môn học này liên quan đến Phân tích và đầu tư chứng khoán trong chương trình đào tạo.

#### **61. [1150201] – Quản trị ngân hàng thương mại - 3TC**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng quản trị đặc thù đối với một ngân hàng thương mại (NHTM). Qua môn học, sinh viên nắm được các lý thuyết về phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của NHTM, phương pháp quản trị vốn tự có, quản trị tài sản Nợ và tài sản Có, quản trị hoạt động marketing của NHTM. Từ những kiến thức đó sinh viên có thể áp dụng vào thực tiễn hoạt động quản trị tại các NHTM, các tổ chức tín dụng phi ngân hàng và các tổ chức tài chính khác. Học phần có quan hệ bổ trợ với các học phần khác như nghiệp vụ NHTM, nghiệp vụ NHTM hiện đại, quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng và học phần đào tạo chức năng hỗ trợ khác trong ngân hàng.

#### **62. [1150215] – Nghiệp vụ ngân hàng thương mại hiện đại - 3TC**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ kinh doanh hiện đại của ngân hàng thương mại như cho thuê tài chính; bảo lãnh ngân hàng; bao thanh toán; cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản; kinh doanh ngoại hối; môi giới và kinh doanh chứng khoán; đầu tư, góp vốn dài hạn; và dịch vụ ngân hàng điện tử. Giúp sinh viên có điều kiện công tác tốt tại ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác. Học phần có quan hệ bổ trợ với các học phần khác như nghiệp vụ NHTM, quản trị NHTM, quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng và học phần đào tạo chức năng hỗ trợ khác trong ngân hàng.

#### **63. [1150236] – Thanh toán quốc tế nâng cao - 3TC**

Trên nền tảng những kiến thức đã học ở môn Thanh toán quốc tế, học phần này sẽ giúp sinh viên chuyên ngành NH&KDTT tìm hiểu về những rủi ro thường gặp trong hoạt động thanh toán quốc tế. Trong các loại rủi ro, rủi ro tỷ giá là loại rủi ro mang lại tổn thất lớn cho

doanh nghiệp và ngân hàng nếu không có biện pháp phòng tránh phù hợp. Sinh viên sẽ sử dụng các công cụ phái sinh tiền tệ (kỳ hạn, tương lai, hoán đổi, quyền chọn) và các giao dịch trên thị trường tiền tệ để phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với doanh nghiệp và ngân hàng thương mại. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ tiếp tục nghiên cứu kỹ hơn về thư tín dụng, phương thức thanh toán tín dụng chứng từ và bộ quy tắc ứng xử UCP600. Đồng thời, vận dụng UCP600 để xử lý các tình huống liên quan đến phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trong thương mại quốc tế.

#### **64. [1150043] – Nghiệp vụ ngân hàng trung ương - 3TC**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về ngân hàng Trung ương. Đồng thời cung cấp kiến thức về các hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng Trung ương: Nghiệp vụ phát hành tiền; Nghiệp vụ tín dụng; Nghiệp vụ trên thị trường Mở; Nghiệp vụ quản lý ngoại hối; Tổ chức hệ thống thanh toán qua ngân hàng; Hoạt động thanh tra, giám sát. Đây là học phần cung cấp các kiến thức tổng quát và chuyên sâu về ngân hàng Trung ương, có quan hệ hỗ trợ với học phần Lý thuyết Tài chính công.

#### **65. [1150409] – Kinh doanh bảo hiểm - 3TC**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành cho sinh viên chuyên ngành ngân hàng và kinh doanh tiền tệ. Học phần đề cập đến các nội dung về thị trường, hoạt động, kênh phân phối đối với kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và hoạt động đầu tư của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mặt lý luận và thực tiễn về hoạt động kinh doanh một số loại hình bảo hiểm thương mại của các trung gian tài chính. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như nhập môn tài chính - tiền tệ, nguyên lý và thực hành bảo hiểm, thị trường tài chính, nghiệp vụ ngân hàng thương mại và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm của trung gian tài chính.

#### **66. [1150014] – Kế toán ngân hàng - 3TC**

Học phần giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ, nội dung học phần đề cập tới việc vận dụng các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành để phản ánh các nghiệp vụ phát sinh trong hoạt động kinh doanh ngân hàng như: Huy động vốn, cấp tín dụng, kinh doanh ngoại tệ, thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán vốn giữa các ngân hàng. Đây là học phần cung cấp các kiến thức tổng quát và chuyên sâu về kế toán ngân hàng, có quan hệ hỗ trợ với học phần Nguyên lý kế toán và Kế toán tài chính.

#### **67. [1150112] – Thẩm định tín dụng - 3TC**

Học phần Thẩm định tín dụng cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ những kiến thức cơ bản về tín dụng ngân hàng, những kiến thức và kỹ năng thực hiện thẩm định tín dụng đối với khách hàng thể nhân, khách hàng pháp nhân và các nội dung cơ bản khi thẩm định tín dụng để đi đến quyết định cấp tín dụng cho khách hàng như: quy trình

thẩm định tín dụng; Thẩm định tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn; Xếp hạng tín dụng; Thẩm định tài sản đảm bảo nợ vay; Phân tích và đánh giá rủi ro trong hoạt động tín dụng. Đồng thời tạo điều kiện cho sinh viên có khả năng ứng dụng các phần mềm thẩm định trong thực tiễn tại các ngân hàng thương mại và các TCTD khác.

#### **68. [1150410] – Kỹ năng giao dịch trong kinh doanh ngân hàng - 2TC**

Học phần giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ, nội dung học phần có nhiệm vụ chủ yếu là giúp sinh viên nâng cao kỹ năng giao dịch với khách hàng tại ngân hàng. Học phần này đề cập đến các nội dung sau: Khách hàng và tầm quan trọng của khách hàng; Bán hàng và Chu trình bán hàng; Kỹ năng giao dịch viên; Kỹ năng quan hệ khách hàng cá nhân/bán lẻ; Kỹ năng quan hệ khách hàng doanh nghiệp; và Kỹ năng xử lý khiếu nại của khách hàng. Đây là học phần cung cấp các kiến thức có quan hệ hỗ trợ cho các học phần: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại, Nghiệp vụ ngân hàng thương mại hiện đại, Thanh toán quốc tế, Kế toán ngân hàng, Thẩm định tín dụng, Nghiệp vụ ngân hàng thực hành.

#### **69. [1150061] – Quản lý Tài chính – Kế toán 1 - 4TC**

Học phần Quản lý Tài chính - Kế toán 1 là học phần nâng cao dành cho sinh viên chuyên ngành Quản lý Tài chính – Kế toán. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và nâng cao về Quản lý Tài chính và Kế toán trên giác độ Giám đốc tài chính của doanh nghiệp. Nội dung của học phần tập trung chính vào quản lý tài chính tại các doanh nghiệp, thẩm định dự án đầu tư, hệ thống pháp luật liên quan đến kế toán doanh nghiệp, tổ chức và hạch toán công tác kế toán, đọc và phân tích các báo cáo tài chính và kiểm toán trong các doanh nghiệp. Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Tài chính- Ngân hàng, thuộc kiến thức chuyên ngành Quản lý Tài chính – Kế toán. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác Tài chính doanh nghiệp, Quản lý Tài chính – Kế toán 2, Kế toán tài chính, Pháp luật Tài chính – Kế toán.

#### **70. [1150062] – Quản lý Tài chính – Kế toán 2 - 4TC**

Học phần Quản lý Tài chính – Kế toán 2 là học phần nâng cao dành cho sinh viên chuyên ngành Quản lý Tài chính – Kế toán. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và nâng cao về Quản lý Tài chính và kế toán trên giác độ lãnh đạo bộ phận tài chính các đơn vị thuộc hành chính sự nghiệp. Do đó, các nội dung tập trung vào các phương pháp Quản lý Tài chính – Kế toán tại các đơn vị có sử dụng kinh phí NSNN và đơn vị không sử dụng NSNN; kỹ năng lập, phân tích, kiểm toán Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thu chi ngân sách, đồng thời cung cấp cho sinh viên những kiến thức Pháp luật về kinh tế, kế toán, tổ chức công tác kế toán và vai trò, nhiệm vụ của Kế toán trưởng tại các đơn vị thuộc lĩnh vực kế toán nhà nước. Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Tài chính- Ngân hàng, thuộc kiến thức chuyên ngành Quản lý Tài chính – Kế toán. Học phần

có quan hệ hỗ trợ với các học phần Tài chính doanh nghiệp, Quản lý Tài chính – Kế toán 1, Kế toán tài chính, Pháp luật Tài chính – Kế toán.

### **71. [1140167] – Kế toán quản trị - 3TC**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, nội dung và các phương pháp của kế toán quản trị. Phân biệt giữa kế toán tài chính với kế toán quản trị, đặc điểm chi phí và các tiêu thức phân loại chi phí phục vụ cho nhà quản trị trong việc ra quyết định, phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận và cách thức lập các dự toán ngân sách trong doanh nghiệp. Đồng thời, giới thiệu các phương pháp phân bổ chi phí phục vụ trong doanh nghiệp nhằm đánh giá thành quả hoạt động của các bộ phận, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp. Qua đó, sinh viên sẽ hiểu và vận dụng các nội dung này vào thực tế công tác quản trị tại các loại hình doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác nhau.

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành của chuyên ngành Quản lý Tài chính – Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

### **72. [1150054] – Pháp luật Tài chính – Kế toán - 2TC**

Học phần Pháp luật Tài chính – Kế toán là môn học thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành Quản lý Tài chính – Kế toán, là một môn học cung cấp những qui định pháp luật mang tính chất đặc thù và những kiến thức mang tính cập nhật nhất liên quan trực tiếp đến công tác quản lý tài chính và kế toán tại doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp. Môn học được thiết kế đi từ nội dung chung và tổng quát nhất của hệ thống pháp luật tài chính- kế toán đến những quy định đặc thù nổi bật liên quan trực tiếp đến hoạt động các tổ chức. Học phần được cập nhật thường xuyên ứng với sự thay đổi trong hệ thống pháp luật tài chính kế toán nhằm đáp ứng nhu cầu về giáo dục chuyên nghiệp cho sinh viên chuyên ngành Quản lý Tài chính- Kế toán. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như Quản lý tài chính – kế toán 1, Quản lý tài chính – kế toán 2.

### **73. [1150015] – Kế toán ngân hàng - 2TC**

Học phần giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành Quản lý tài chính kế toán đề cập nội dung vận dụng các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành để phản ánh các nghiệp vụ phát sinh trong hoạt động kinh doanh ngân hàng như: Huy động vốn, cấp tín dụng, kinh doanh ngoại tệ giao ngay, thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán vốn giữa các ngân hàng. Đây là học phần cung cấp các kiến thức tổng quát và chuyên sâu về kế toán ngân hàng, có quan hệ hỗ trợ với học phần Kế toán tài chính.

### **74. [1150413] – Phân tích tài chính - 2TC**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành cho chuyên ngành quản lý tài chính kế toán. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức để có thể đánh

giá khái quát tình hình tài chính thông qua phân tích tình hình huy động vốn, mức độ độc lập tài chính, khả năng thanh toán và khả năng sinh lợi của doanh nghiệp. Ngoài ra môn học còn trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến việc: phân tích cấu trúc tài chính, cân bằng tài chính và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như kế toán quản trị, quản lý tài chính – kế toán 1, quản lý tài chính – kế toán 2.

#### **75. [1150245] – Hướng dẫn thực hành Quản lý Tài chính – Kế toán - 3TC**

Học phần Hướng dẫn thực hành Quản lý Tài chính – Kế toán là học phần riêng cho sinh viên chuyên ngành Quản lý Tài chính – Kế toán. Học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản về hoạt động quản lý tài chính – kế toán tại doanh nghiệp và đơn vị hành chính sự nghiệp thông qua danh mục, hệ thống tài khoản, biểu mẫu chứng từ, sổ sách kế toán,... Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên lập Báo cáo tài chính doanh nghiệp một cách cụ thể nhất. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp cho sinh viên những phương pháp ghi chép tờ khai thuế và hóa đơn cũng như chế độ quản lý tài chính – kế toán hiện nay ở các doanh nghiệp và đơn vị hành chính sự nghiệp. Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Quản lý Tài chính - Kế toán. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như Quản lý tài chính – kế toán 1, Quản lý tài chính – kế toán 2, Pháp luật tài chính – kế toán và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong tổ chức.

#### **76. [1150243] – Hệ thống thông tin sử dụng trong Quản lý TC – KT - 3TC**

Học phần cung cấp kiến thức về hệ thống thông tin sử dụng trong quản lý tài chính kế toán cho sinh viên chuyên ngành Quản lý Tài chính-Kế toán. Học phần được thiết kế gồm hai phần: phần lý thuyết đưa ra những nội dung tổng quan nhất trong hệ thống thông tin sử dụng cho quản lý tài chính, cách thức tổ chức và kiểm soát dữ liệu; phần thực hành cung cấp cho sinh viên các tình huống để tiến hành tổ chức, thực hiện quản lý hệ thống thông tin. Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Tài chính-Ngân hàng, thuộc kiến thức chuyên ngành Quản lý Tài chính – Kế toán. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần Tài chính doanh nghiệp, Quản lý Tài chính – Kế toán 1, Quản lý Tài chính – Kế toán 2, Kế toán tài chính, Pháp luật Tài chính – Kế toán, Phân tích Tài chính.

#### **77. [1140112] – Kế toán công - 3TC**

Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các nghiệp vụ quản lý Kho bạc nhà nước về quản lý các nguồn vốn, quản lý quỹ tiền mặt và kho tiền trong hệ thống Kho bạc nhà nước, tín dụng nhà nước qua hệ thống Kho bạc nhà nước; nghiên cứu và vận dụng các phương pháp kế toán sử dụng để hạch toán các giao dịch cơ bản trong đơn vị hành chính sự nghiệp, các cơ quan thu và các đơn vị đặc thù. Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Tài chính công và Quản

lí thuế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

#### **78. [1150274] – Tài chính công 1 - 4TC**

Môn học dựa trên môn học nền tảng “Lý thuyết Tài chính công” (đề cập đến vai trò và quy mô của khu vực công trong tác động đến nền kinh tế cũng như các chủ thể có liên quan) để tiến hành nghiên cứu chuyên sâu về nội dung quản lý tài chính công tại Việt Nam hiện nay. Trong đó, học phần tập trung nghiên cứu về những nội dung liên quan đến quản lý ngân sách nhà nước (NSNN) nói chung cũng như quản lý thu và chi của ngân sách nói riêng, ngoài ra học phần còn nghiên cứu tình trạng cân đối ngân sách, vấn đề tài trợ thiếu hụt ngân sách, tín dụng nhà nước. Đồng thời, tìm hiểu quá trình quản lý các quỹ tài chính ngoài NSNN tại Việt Nam hiện nay như thế nào.

#### **79. [1150275] – Tài chính công 2 - 3TC**

Trên nền tảng môn học Lý thuyết Tài chính Công (đề cập đến vai trò và quy mô của khu vực công trong tác động đến nền kinh tế cũng như các chủ thể có liên quan), môn học này sẽ kết hợp với môn học Tài chính công 1 bổ sung thêm kiến thức liên quan đến phân tích và dự báo kinh tế, tài chính. Từ đó có thể phân tích, đánh giá và hoạch định các chính sách trong kinh tế, tài chính của nhà nước. Trong đó, học phần tập trung nghiên cứu về những nội dung liên quan đến việc xác định các chỉ tiêu kinh tế, tài chính cơ bản, xây dựng mô hình phân tích và dự báo từ đó thực hiện việc phân tích, đánh giá và hoạch định các chính sách trong kinh tế, tài chính của nhà nước. Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành hẹp trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Tài chính công & Quản lý thuế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về phân tích và dự báo kinh tế, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

#### **80. [1150063] – Quản lý tài chính các đơn vị công - 2TC**

Môn học này dành cho sinh viên năm thứ 4 chuyên ngành Tài Chính Công & Quản lý Thuế với nội dung nghiên cứu gồm: cơ cấu các loại đơn vị công, cơ chế cung ứng dịch vụ công, cơ chế quản lý tài chính, phương pháp lập dự toán tài chính, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, các quy định về quản lý, sử dụng tài sản ở đơn vị công. Môn học này hỗ trợ cho Thẩm định đầu tư công, Tài chính công 1 và 2.

#### **81. [1150301] – Khai báo thuế - 3TC**

Học phần củng cố kiến thức chung về Thuế, hệ thống các luật thuế tại Việt Nam; Đồng thời cung cấp các kiến thức chung khai báo thuế; kỹ năng khai báo thuế Xuất khẩu - nhập khẩu; kỹ năng khai báo thuế Tiêu thụ đặc biệt; kỹ năng khai báo thuế Giá trị gia tăng; kỹ năng khai báo thuế và quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp; kỹ năng khai báo thuế và quyết toán thuế thu nhập cá nhân; kỹ thuật xử lý hoá đơn,...



Sử dụng phần mềm HTKK để thực hành khai báo các loại thuế phổ biến - tại phòng thực hành khai báo thuế có máy tính cài đã cài phần mềm và có nối mạng internet.

### **82. [1150126] – Thuế quốc tế - 3TC**

Môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản và phổ biến về thuế trong điều kiện toàn cầu hóa kinh tế, gồm: Tổng quan về thuế quốc tế; liên kết kinh tế thế giới; Hiệp định chung về thuế quan và thương mại. Thuế và chuyển giá của các công ty đa quốc gia; Đánh thuế trùng và biện pháp tránh đánh thuế trùng; Tìm hiểu chính sách thuế của một số nước trong và ngoài khu vực như Trung Quốc, Thái Lan, Liên Bang Hoa Kỳ... Học phần có quan hệ với các học phần khác như: Quản lý thuế, kê khai thuế...

### **83. [1150199] – Phân tích báo cáo tài chính và kiểm tra thuế - 3TC**

Học phần cho biết vai trò của thông tin tài chính đối với việc đánh giá rủi ro và tình hình chấp hành pháp luật thuế của các cơ sở sản xuất kinh doanh; cách thức thu thập và kiểm tra thông tin tài chính phục vụ cho hoạt động kiểm tra thuế; các ảnh hưởng sai lệch của thông tin tài chính ảnh hưởng đến nghĩa vụ thuế của đối tượng nộp thuế, kỹ năng đọc thông tin tài chính và phân tích các tỷ số có liên quan; chiến lược đánh giá rủi ro. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành Tài chính Công và Quản lý thuế.

### **84. [1150417] – Thẩm định đầu tư công - 2TC**

Môn học sẽ được chia thành hai phần chính. Phần đầu bao gồm những nội dung căn bản về thẩm định tài chính như xác định cấu trúc dự án, kỹ thuật chiết khấu ngân lưu, tính chi phí vốn, áp dụng các tiêu chí thẩm định khác nhau, xây dựng mô hình tài chính cơ sở và phân tích rủi ro. Phần thứ hai của môn học được dành cho thẩm định dự án đầu tư công về mặt kinh tế và xã hội, trong đó bao gồm các phương pháp ước lượng lợi ích và chi phí kinh tế của đầu vào, đầu ra dự án trong các cấu trúc và biến dạng thị trường khác nhau, giá trị kinh tế của các nhân tố sản xuất như vốn, lao động, đất đai, ngoại tệ và đánh giá tác động đối với các bên liên quan. Đây là môn học chuyên ngành, sẽ hỗ trợ cho các môn Quản lý tài chính các đơn vị công và Tài chính công 1, 2.

### **85. [2030003] – Kỹ năng giao tiếp - 2TC**

Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho sinh viên. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.

### **86. [1150248] – Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch - 2TC**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức bổ trợ nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Học phần trang bị kiến thức giúp sinh viên làm quen với những vấn đề liên quan đến tư duy và thực hành rèn luyện kỹ năng tư duy. Học phần còn trang bị kiến thức liên quan đến việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch để đạt được mục tiêu, thực hành rèn luyện kỹ năng về xác định mục tiêu và lập kế hoạch để đạt được mục tiêu. Học phần có mối quan hệ bổ trợ với các học phần khác như kỹ năng giao tiếp thuyết trình thuyết phục trong kinh doanh, quản trị học, khởi sự kinh doanh.

### **87. [1150142] – Quản trị học - 2TC**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức kiến thức nền tảng cho các ngành kinh tế nói chung. Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm, nội dung cơ bản về quản trị, tiếp cận và nắm bắt được các quan điểm, lý thuyết quản trị, kiến thức và kỹ năng thực hiện các chức năng quản trị, khả năng giải quyết các bài tập tình huống quản trị và rút ra những phương pháp và nguyên tắc chung có thể ứng dụng trong thực tiễn. Học phần trang bị những kiến thức rất cần thiết cho các nhà quản trị trong tất cả các lĩnh vực. Học phần có quan hệ bổ trợ với các học phần khác như kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, quản trị marketing và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong tổ chức.

### **88. [1150422] – Khởi nghiệp - 2TC**

Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên.

### **89. [1140033] – Kinh tế lượng - 3TC**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy – một công cụ hữu hiệu trong phân tích và dự báo kinh tế - xã hội. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên xây dựng được mô hình; phân tích hồi quy và kiểm định các khuyết tật của mô hình. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thực hành xử lý số liệu trên phần mềm Eviews.

Học phần thuộc Kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Tài chính – Ngân hàng. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về thống kê, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về thiết lập mô hình, phân tích hồi quy là nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính.

**90. [1140023] – Kế toán tài chính - 3TC**

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến kế toán tiền, tài sản cố định, tiền lương và các khoản trích theo lương, giá thành sản phẩm và tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh, lập Báo cáo tài chính theo qui định.

Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Tài chính ngân hàng. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kế toán tài chính của sinh viên ngành tài chính ngân hàng và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên ngành tài chính ngân hàng

**91. [1150213] – Tiếng anh chuyên ngành TC-NH - 2TC**

Học phần giới thiệu sơ lược các thuật ngữ tiếng Anh gắn với kiến thức cơ bản về tài chính liên quan đến các nội dung kế toán, tài chính doanh nghiệp, ngân hàng và tài chính quốc tế. Nội dung học phần hướng đến xây dựng bước đầu kỹ năng đọc và hiểu được các thông tin tài chính cơ bản của doanh nghiệp và ngân hàng bằng tiếng Anh. Ngoài ra, học phần còn giúp Sinh viên trang bị khả năng tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính hiện hành tại Việt Nam và thế giới bằng tiếng Anh. Làm việc theo nhóm và cá nhân, thảo luận và trình bày trên lớp bằng tiếng Anh cũng là một trong những nội dung mà học phần hướng đến. Học phần thuộc Khối kiến thức bổ trợ, ngành Tài chính-Ngân hàng, có liên quan chặt chẽ đến học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2.

**92. [1140036] – Kinh tế phát triển - 2TC**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động của nền kinh tế trong mối quan hệ tác động qua lại giữa kinh tế và xã hội. Đặc biệt, giúp sinh viên nắm rõ bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế; Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên tìm hiểu và phân tích vai trò của một số yếu tố nguồn lực như vốn, lao động đối với tăng trưởng kinh tế.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, có mối tương quan với Kinh tế vĩ mô, Kinh tế môi trường.... Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kiến thức cơ bản về kinh tế học và là nền tảng kiến thức ngành cho sinh viên.

**93. [1150026] – Kinh tế quốc tế - 2TC**

Học phần Kinh tế quốc tế nghiên cứu các quy luật và xu hướng vận động của nền kinh tế thế giới, các lý thuyết thương mại và chính sách thương mại quốc tế, sự di chuyển quốc tế về các yếu tố sản xuất, hệ thống tài chính và cán cân thanh toán của các quốc gia. Phần cuối của học phần khai thác một trong những xu hướng của kinh tế quốc tế hiện nay – liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế.

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

Trên cơ sở người học đã nắm vững kiến thức kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kinh tế học quốc tế của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. Người học có thể vận dụng các kiến thức này để tiếp tục học các học phần khác như: Tài chính quốc tế, thanh toán quốc tế, Đầu tư quốc tế...

#### **94. [1150023] – Kinh tế môi trường - 2TC**

Học phần kinh tế môi trường trang bị cho người học: kiến thức chung về kinh tế môi trường; đồng thời cũng trang bị những kiến thức về giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường; đánh giá tác động đến môi trường của các dự án phát triển kinh tế; phân tích vấn đề ô nhiễm môi trường trong mối tương quan với phát triển kinh tế; tìm hiểu các vấn đề về dân số, tài nguyên và pháp luật bảo vệ môi trường của Việt Nam. Học phần này có mối liên hệ với học phần Kinh tế vi mô

#### **95. [1150071] – Quản trị doanh nghiệp - 2TC**

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm, cách tiếp cận về khoa học quản trị doanh nghiệp; những kiến thức cơ bản về các lý luận và thực tiễn của quản trị doanh nghiệp cũng như những hướng dẫn cụ thể để sinh viên có thể thực hiện các hoạt động quản trị theo chức năng và theo lĩnh vực. Cụ thể hóa môn học giúp học viên có thể lập kế hoạch kinh doanh, kế hoạch sản xuất cho doanh nghiệp; xây dựng cơ cấu tổ chức và tiền lương; lãnh đạo doanh nghiệp; xây dựng chiến lược bán hàng; phân tích hiệu quả kinh doanh trong doanh nghiệp.... Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị tài chính, quản trị marketing và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

#### **96. [1150056] – Phương pháp tối ưu trong kinh doanh - 2TC**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức kiến thức nền tảng cho các ngành quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về thuật toán tối ưu, cung cấp các phương pháp, thuật toán để mô hình hóa các vấn đề từ thực tiễn kinh doanh, thuật toán giải các bài toán tối ưu điển hình và ứng dụng kết quả từ lời giải bài toán tối ưu để hỗ trợ việc ra quyết định kinh doanh. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như toán cao cấp cho kinh tế, quản trị học, quản trị sản xuất và tác nghiệp.

#### **97. [1130036] – Luật Kinh tế - 2TC**

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về ngành Luật Kinh tế và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về kinh doanh, thương mại, cụ thể gồm các chế định pháp luật như: pháp luật về chủ thể kinh doanh, hợp đồng trong hoạt động kinh doanh và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh. Học phần Luật Kinh tế cũng giúp sinh viên hiểu rõ về pháp luật phá sản trong các doanh nghiệp và hợp tác xã. Thông qua kỹ năng làm việc nhóm, sinh viên có thể giải quyết các vấn đề thực tiễn pháp lý liên quan đến Luật kinh tế.

#### **98. [1150249] – Lãnh đạo học - 2TC**

Học phần Lãnh đạo học sẽ trang bị cho sinh viên chuyên ngành tài chính ngân hàng

những nội dung cơ bản và có hệ thống về lãnh đạo học như bản chất lãnh đạo, quyền lực và sự ảnh hưởng, phẩm chất và kỹ năng lãnh đạo cũng như các phong cách lãnh đạo và thuật lãnh đạo trong thời đại mới.

**99. [1150269] – Quản trị nhân lực - 2TC**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức bổ trợ cho ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần đề cập đến các nội dung về tầm quan trọng của việc quản lý con người, hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng, đánh giá thực hiện công việc của người lao động và trả công lao động nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng quản trị nhân lực cần thiết đảm bảo hiệu quả sử dụng nhân lực và hoạt động kinh doanh của tổ chức. Học phần có quan hệ bổ trợ cho các học phần khác như tài chính doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, chuyên đề phân tích dự án đầu tư.

**100. [1150414] – Phương pháp nghiên cứu trong tài chính - 2TC**

Môn học cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản và quy trình tiến hành một nghiên cứu khoa học. Môn học cũng giới thiệu cách thức xác định vấn đề nghiên cứu, gợi mở một số ý tưởng nghiên cứu; cách thức thiết kế nghiên cứu; thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu và trình bày kết quả nghiên cứu; một số phương pháp, mô hình, công cụ nghiên cứu thường được sử dụng trong lĩnh vực tài chính... tạo nền tảng cho việc tiến hành nghiên cứu tài chính học thuật. Đây là môn bổ trợ cho các học phần thực tập nhận thức và thực tập tốt nghiệp của sinh viên và có phần liên quan đến môn Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch.

**101. [1150121] – Thực tập tổng hợp - 2TC**

- Học phần Thực tập tổng hợp chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp là học phần được đào tạo chủ yếu tại cơ sở thực tế. Đây là học phần cần thiết để sinh viên bước đầu làm quen với thực tế và vận dụng các kiến thức lý thuyết để tìm hiểu thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên theo phân công, thông qua một quá trình tiếp cận trực tiếp với các cơ sở thực tập nhằm tìm hiểu các thông tin về quá trình hoạt động, tình hình hoạt động (sản xuất) kinh doanh và tình hình tài chính cơ bản của đơn vị. Học phần tạo điều kiện cho sinh viên bước đầu nhận thức các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ tài chính tại cơ sở thực tập. Trong quá trình thực tập tại đơn vị sinh viên dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên hoàn thành báo cáo thực tập theo những quy định về nội dung và hình thức của Khoa. Báo cáo thực tập trình bày những hiểu biết của sinh viên về thông tin tổng quan của cơ sở thực tập cũng như các hoạt động kinh doanh và phân tích cơ bản về tình hình tài chính của đơn vị thực tập do sinh viên chủ động lựa chọn. Các loại hình đơn vị thực tập đa dạng, bao gồm: doanh nghiệp, ngân hàng, công ty tài chính, công ty bảo hiểm...

- Học phần Thực tập tổng hợp chuyên ngành NH&KDTT là học phần sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên theo phân công, thông qua một quá trình tiếp cận trực tiếp

với các cơ sở thực tập nhằm tìm hiểu các thông tin về quá trình hoạt động, tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính cơ bản của đơn vị. Học phần tạo điều kiện cho sinh viên bước đầu nhận thức cách thức tổ chức hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ kinh doanh tại cơ sở thực tập. Trong quá trình thực tập tại đơn vị, sinh viên dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên hoàn thành báo cáo thực tập theo những quy định về nội dung và hình thức của Khoa. Báo cáo thực tập trình bày những hiểu biết của sinh viên về thông tin tổng quan của cơ sở thực tập cũng như các hoạt động kinh doanh, kết quả kinh doanh và phân tích cơ bản về một số nghiệp vụ kinh doanh của đơn vị thực tập do sinh viên chủ động lựa chọn. Các loại hình đơn vị thực tập đa dạng, bao gồm: ngân hàng thương mại, ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng khác,...

- Học phần Thực tập tổng hợp chuyên ngành Quản lý tài chính – kế toán là học phần được đào tạo chủ yếu tại cơ sở thực tế. Đây là học phần cần thiết để sinh viên bước đầu làm quen với thực tế và vận dụng các kiến thức lý thuyết để tìm hiểu thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh. Sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên theo phân công, thông qua một quá trình tiếp cận trực tiếp với các cơ sở thực tập nhằm tìm hiểu các thông tin về quá trình hoạt động, tình hình hoạt động (sản xuất) kinh doanh và tình hình tài chính cơ bản của đơn vị. Trong quá trình thực tập tại đơn vị sinh viên dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên hoàn thành báo cáo thực tập theo những quy định về nội dung và hình thức của Khoa. Vận dụng nhận thức kiến thức các môn học đã được Nhà trường trang bị để phân tích, đánh giá các hoạt động tài chính, công tác tổ chức bộ máy quản lý, công tác hạch toán kế toán, công tác lao động – tiền lương; công tác quản lý các nguồn lực vật chất;... Các loại hình đơn vị thực tập đa dạng, bao gồm: doanh nghiệp, ngân hàng, công ty bảo hiểm, các đơn vị hành chính sự nghiệp... Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Quản lý Tài chính - Kế toán.

- Học phần Thực tập tổng hợp chuyên ngành Tài chính công & Quản lý thuế là học phần sinh viên bước đầu nhận thức các hoạt động, nghiệp vụ tài chính tại cơ sở thực tập. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên được phân công, sinh viên hoàn thành báo cáo thực tập theo những quy định về nội dung và hình thức của Khoa. Báo cáo thực tập tổng hợp trình bày những hiểu biết tổng quan của sinh viên về cơ sở thực tập cũng như các hoạt động, các nghiệp vụ tài chính. Các loại hình đơn vị thực tập đa dạng, bao gồm: các đơn vị hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, lĩnh vực kê khai thuế tại doanh nghiệp,... Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Tài chính công & Quản lý thuế.

### **102. [1150123] – Thực tập tốt nghiệp - 3TC**

- Học phần Thực tập tốt nghiệp chuyên ngành tài chính doanh nghiệp là học phần được đào tạo chủ yếu tại cơ sở thực tế. Sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên theo

phân công, thông qua một quá trình tiếp cận trực tiếp với các cơ sở thực tập nhằm tìm hiểu, nghiên cứu thực tiễn hoạt động tài chính ở các doanh nghiệp. Đây là học phần cần thiết để sinh viên làm quen với thực tế và vận dụng các kiến thức lý thuyết vào thực tiễn hoạt động tài chính trong doanh nghiệp. Sinh viên có thể vận dụng lý thuyết về tài chính doanh nghiệp để ứng dụng vào phân tích, đánh giá các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp. Những vấn đề nghiên cứu cơ bản: quản lý dòng tiền trong hoạt động của doanh nghiệp; quản trị tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp; quản lý tài sản cố định trong hoạt động của doanh nghiệp; phân tích và đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp; lập kế hoạch tài chính trong hoạt động của doanh nghiệp; quản trị các loại rủi ro trong hoạt động của doanh nghiệp,...

- Học phần Thực tập tốt nghiệp chuyên ngành Ngân hàng & Kinh doanh tiền tệ là học phần được đào tạo chủ yếu tại cơ sở thực tế. Sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên được phân công, thông qua một quá trình tiếp cận trực tiếp với các cơ sở thực tập nhằm tìm hiểu, nghiên cứu thực tiễn hoạt động kinh doanh tại các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính phi ngân hàng và một số cơ quan nhà nước quản lý tiền tệ... Đây là học phần cần thiết để sinh viên làm quen với thực tế và vận dụng các kiến thức lý thuyết vào phân tích thực tiễn hoạt động kinh doanh, đánh giá thực trạng từ đó định hướng một số giải pháp giải quyết những tồn tại thực tiễn trong các NHTM, các tổ chức tài chính phi ngân hàng và một số cơ quan nhà nước quản lý về ngân hàng và tiền tệ.

- Học phần Thực tập tốt nghiệp chuyên ngành Quản lý tài chính – kế toán là học phần được đào tạo chủ yếu tại cơ sở thực tế. Sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên được phân công, thông qua một quá trình tiếp cận trực tiếp với các cơ sở thực tập nhằm tìm hiểu, nghiên cứu thực tiễn hoạt động kinh doanh, quản lý tài chính, công tác kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp. Đây là học phần cần thiết để sinh viên làm quen với thực tế và vận dụng các kiến thức lý thuyết vào phân tích thực tiễn hoạt động kinh doanh, đánh giá thực trạng từ đó định hướng một số giải pháp giải quyết những tồn tại thực tiễn trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp. Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Quản lý Tài chính - Kế toán

- Học phần Thực tập tổng hợp chuyên ngành Quản lý tài chính – kế toán là học phần sinh viên có thể vận dụng lý thuyết về tài chính công và quản lý thuế để ứng dụng vào phân tích, đánh giá các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động của tài chính công và quản lý thuế, bao gồm các nội dung cụ thể như: quản lý ngân sách nhà nước, quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước, quản lý tài chính trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, hoặc nghiên cứu thực trạng công tác quản lý các loại thuế hiện hành...

Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Tài chính công & Quản lý thuế. Học phần Thực tập tổng hợp chuyên ngành Quản lý tài chính – kế toán là học phần sinh viên

### **103. [1150446] – Khóa luận tốt nghiệp - 6TC**

- Học phần khóa luận tốt nghiệp Tài chính doanh nghiệp thể hiện sự vận dụng kiến thức tổng hợp về tài chính doanh nghiệp vào thực tiễn giúp sinh viên nhìn nhận vấn đề một cách khoa học, từ đó đề xuất các biện pháp khắc phục, hoàn thiện hoặc hoạt động hiệu quả hơn cho đơn vị. Trên cơ sở định hướng và chỉ dẫn của giáo viên hướng dẫn, khi thực hiện khóa luận tốt nghiệp tài chính doanh nghiệp, sinh viên sẽ chọn một vấn đề trong thực tiễn của đơn vị phù hợp với các nội dung chuyên ngành tài chính doanh nghiệp để nghiên cứu, nội dung và kết cấu của khóa luận bao gồm: hệ thống lý luận liên quan đến vấn đề nghiên cứu, phân tích thực trạng vấn đề nghiên cứu, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đưa ra các đề xuất hoàn thiện hoặc giải quyết các vấn đề dựa trên đánh giá trên.

- Học phần Khóa luận tốt nghiệp Ngân hàng và Kinh doanh tiền tệ thể hiện sự vận dụng kiến thức tổng hợp về ngân hàng và kinh doanh tiền tệ vào thực tiễn giúp sinh viên nhìn nhận vấn đề một cách khoa học, từ đó đề xuất các biện pháp khắc phục, hoàn thiện hoặc hoạt động hiệu quả hơn cho đơn vị. Trên cơ sở định hướng và chỉ dẫn của giáo viên hướng dẫn, khi thực hiện Khóa luận tốt nghiệp ngân hàng và kinh doanh tiền tệ, sinh viên sẽ chọn một vấn đề trong thực tiễn của đơn vị phù hợp với các nội dung chuyên ngành ngân hàng và kinh doanh tiền tệ để nghiên cứu, nội dung và kết cấu của khóa luận bao gồm: hệ thống lý luận liên quan đến vấn đề nghiên cứu, phân tích thực trạng vấn đề nghiên cứu, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đưa ra các đề xuất hoàn thiện hoặc giải quyết các vấn đề dựa trên đánh giá trên.

- Học phần Khóa luận tốt nghiệp Quản lý tài chính – kế toán là học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã được trang bị để tiến hành phân tích, đánh giá các vấn đề nảy sinh chủ yếu trong lĩnh vực tài chính – kế toán tại cơ sở thực tập. Trên cơ sở định hướng và chỉ dẫn của giáo viên hướng dẫn, khi thực hiện Khóa luận tốt nghiệp, sinh viên sẽ chọn một vấn đề trong thực tiễn của đơn vị phù hợp với các nội dung chuyên ngành quản lý tài chính – kế toán để nghiên cứu. Nội dung và kết cấu của khóa luận bao gồm: hệ thống lý luận liên quan đến vấn đề nghiên cứu, phân tích thực trạng vấn đề nghiên cứu, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đưa ra những nhận xét đánh giá và đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục, hoàn thiện hoặc giúp đơn vị hoạt động hiệu quả hơn. Học phần Khóa luận tốt nghiệp thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Quản lý Tài chính - Kế toán, học phần này giúp sinh viên rèn luyện tác phong, phương pháp và kỹ năng làm việc của một chuyên viên chuyên ngành quản lý tài chính – kế toán.

- Học phần Khóa luận tốt nghiệp Tài chính công & Quản lý thuế là học phần sinh viên có thể vận dụng lý thuyết về tài chính công và quản lý thuế để ứng dụng vào phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp khắc phục các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động của tài chính công và quản lý thuế, bao gồm các nội dung cụ thể như: quản lý ngân sách nhà nước, quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước, quản lý tài chính trong các đơn vị hành chính sự



nghiệp, hoặc nghiên cứu thực trạng công tác quản lý các loại thuế hiện hành... Học phần thuộc kiến thức Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Tài chính công & Quản lý thuế.

#### **104. [1150224] – Chuyên đề quản lý đầu tư tài chính - 3TC**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về rủi ro và tỷ suất sinh lời trong đầu tư tài chính; phương pháp phân bổ vốn đầu tư; ưu, nhược điểm của các mô hình và chiến lược xây dựng danh mục đầu tư; lý thuyết thị trường hiệu quả, lý thuyết tài chính hành vi; hoạt động của quỹ đầu tư và công ty quản lý quỹ đầu tư; nội dung đánh giá hiệu quả quản lý danh mục đầu tư cổ phiếu và trái phiếu.

#### **105. [1150436] – Chuyên đề quản lý tài chính doanh nghiệp - 3TC**

Đây là một trong các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp. Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản của những vấn đề về tài chính doanh nghiệp như cách xác định dòng tiền, phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp. Đồng thời học phần cung cấp kiến thức chung về quản lý tài chính trong doanh nghiệp như vấn đề quản trị dòng tiền, quản trị tài sản ngắn hạn, quản trị tài sản cố định; trên cơ sở phân tích tài chính doanh nghiệp để làm cơ sở cho việc ra các quyết định tài chính. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu những nội dung cơ bản liên quan đến lập hoạch định tài chính và dự báo trong ngắn hạn và dài hạn của doanh nghiệp. Từ đó, người học sẽ biết liên kết và vận dụng kiến thức của các môn học chuyên ngành khác như Tài chính doanh nghiệp nâng cao, Phân tích tài chính,... để giải quyết các vấn đề mà học phần này đặt ra.

#### **106. [1150411] – Nghiệp vụ ngân hàng thực hành - 3TC**

Học phần giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ, nội dung học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức thực tế có liên quan đến nghiệp vụ ngân hàng như: nghiệp vụ nhận tiền gửi, nghiệp vụ cung ứng dịch vụ thanh toán và nghiệp vụ cho vay. Xuyên suốt học phần này, sinh viên sẽ được hướng dẫn thực hành trực tiếp trên phần mềm xử lý nghiệp vụ ngân hàng lõi (CoreBanking) được mô phỏng từ phần mềm được các ngân hàng thương mại Việt Nam áp dụng hiện nay. Đây là học phần cung cấp các kiến thức có quan hệ hỗ trợ cho các học phần: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại, Nghiệp vụ ngân hàng thương mại hiện đại, Thanh toán quốc tế, Kế toán ngân hàng, Thẩm định tín dụng.

#### **107. [1150437] – Chuyên đề Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng - 3TC**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh đối với một ngân hàng thương mại (NHTM). Qua môn học, sinh viên nắm được các lý thuyết về quản trị rủi ro thanh khoản, quản trị rủi ro tín dụng, quản trị rủi ro lãi suất, quản trị rủi ro tỷ giá và quản trị rủi ro hoạt động của các NHTM. Từ những kiến thức đó sinh viên có thể áp dụng vào thực tiễn hoạt động quản trị rủi ro tại các NHTM, các tổ chức tín dụng

phi ngân hàng và các tổ chức tài chính khác. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như nghiệp vụ NHTM, nghiệp vụ NHTM hiện đại, quản trị NHTM và học phần đào tạo chức năng hỗ trợ khác trong ngân hàng.

#### **108. [1150217] – Chuyên đề Hệ thống QL TC-KT đơn vị HCSN - 3TC**

Học phần Chuyên đề hệ thống Quản lý Tài chính – Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp là học phần nâng cao dành cho sinh viên chuyên ngành Quản lý Tài chính – Kế toán. Đây là học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp, thông qua học phần này, sinh viên có thể quản lý và kiểm soát nguồn kinh phí, tình hình sử dụng và quyết toán kinh phí, tình hình quản lý và sử dụng các loại vật tư, tài sản công, tình hình chấp hành dự toán thu chi và thực hiện các tiêu chuẩn, định mức của Nhà nước ở đơn vị. Chính vì vậy quản lý tài chính - kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp một cách có hệ thống không chỉ quan trọng đối với bản thân các đơn vị mà còn quan trọng đối với ngân sách Nhà nước. Do đó, học phần được thiết kế gồm hai phần: phần lý thuyết đưa ra những nội dung tổng quan nhất về hệ thống quản lý tài chính - kế toán tại đơn vị sự nghiệp; phần thực hành cung cấp cho sinh viên các tình huống, bài tập thực tế để tiến hành tổ chức, thực hiện quản lý hệ thống tài chính – kế toán tại đơn vị một cách hiệu quả nhất.

#### **109. [1150439] – Chuyên đề Hệ thống Quản lý TC-KT doanh nghiệp - 3TC**

Hệ thống quản lý Tài chính-Kế toán Doanh nghiệp là học phần nâng cao dành cho sinh viên chuyên ngành Quản lý Tài chính-Kế toán. Học phần tiếp tục cung cấp hệ thống kiến thức liên quan đến công tác quản lý tài chính tại các doanh nghiệp thông qua các bài tập tình huống thực tế. Học phần tập trung các tình huống về việc sử dụng các công cụ tài chính, chính sách tài chính và định giá doanh nghiệp. Ngoài ra học phần bổ sung hệ thống kiến thức mới về hệ thống quan điểm mới về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Học phần được thiết kế mang tính cập nhật với nhiều bài tập tình huống giúp sinh viên vừa đi sâu tìm hiểu về quản trị tài chính – kế toán vừa củng cố kỹ năng xử lý tình huống.

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Tài chính- Ngân hàng, là học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Quản lý Tài chính – Kế toán. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần Tài chính doanh nghiệp, Quản lý Tài chính – Kế toán 1, Kế toán tài chính, Phân tích tài chính, Kế toán quản trị, Pháp luật Tài chính – Kế toán.

#### **110. [1150227] – Chuyên đề Quản lý thuế - 3TC**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về Quản lý Thuế, chức năng nhiệm vụ của hệ thống cơ quan thuế từ Trung Ương đến địa phương; Quản lý đăng ký thuế, Quản lý nộp thuế; Quản lý kê khai các loại thuế; Thanh tra, kiểm tra thuế; Xử lý các hình thức vi phạm về thuế. Đây là học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp Đại học, đòi hỏi người học cần có nền tảng kiến thức về Thuế cũng như kiến thức về quản lý kinh tế.

#### **111. [1150440] – Chuyên đề Quản lý tài chính công - 3TC**

Môn học dựa trên môn học nền tảng nội dung các môn học về lý thuyết tài chính công, tài chính công 1 và tài chính công 2 sẽ trang bị các kiến thức tổng hợp cần thiết đối với cán bộ, công chức và viên chức nhằm phục vụ việc thi tuyển vào ngạch cán bộ, công chức và viên chức nhà nước. Cụ thể, các kiến thức được trang bị cho sinh viên bao gồm kiến thức về quản lý nhà nước; tổ chức hành chính nhà nước; pháp luật trong quản lý tài chính nhà nước; pháp luật cán bộ, công chức và viên chức. Ngoài ra sinh viên sẽ được trang bị kiến thức liên quan các kỹ năng cần thiết đối với một cán bộ, công chức và viên chức.

Học phần thuộc kiến thức Khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế KLTN trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Tài chính công & Quản lý thuế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức, học phần sẽ giúp phát triển nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

